

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một tế bào quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, mỗi doanh nhân là một chiến sĩ trên mặt trận kinh tế. Sự phát triển không ngừng của các doanh nghiệp sẽ góp phần đảm bảo cho sự tăng trưởng kinh tế của các quốc gia. Đối với các doanh nghiệp, mục tiêu của hoạt động sản xuất kinh doanh là thu được lợi nhuận cao. Trong nền kinh tế thị trường, với sự vận động của nền kinh tế, quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu để hoạt động có lợi nhuận cao không đơn giản. Sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả hay không là phụ thuộc vào trình độ quản lý, vào mức độ hoàn thiện các khâu sản xuất phân phối và tiêu dùng.

Như vậy tổ chức quá trình sản xuất và tiêu thụ hợp lý là vấn đề bao trùm mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Nếu không tiêu thụ được lượng hàng hóa sản xuất ra thì không những doanh nghiệp không bù đắp được chi phí đầu tư ban đầu để thu được lợi nhuận và quay vòng vốn tái sản xuất mà còn dễ lâm vào tình trạng phá sản. Chính từ đây việc tổ chức tiêu thụ hàng hóa có tầm quan trọng vô cùng lớn, vận tải cũng không nằm ngoài mục đích đó.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho các doanh nghiệp hiện nay, từ nhận thức về tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp, cùng với sự hướng dẫn tận tình của chủ nhiệm bộ môn kế toán : Giảng viên Bùi Thị Chung và các cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành Phát, em đã học thêm được nhiều kiến thức và mạnh dạn lựa chọn đề tài : **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành Phát”**.

Nội dung bài khóa luận của em gồm có ba phần chính như sau:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành Phát.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành Phát.

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành Phát.

Do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ và góp ý của các thầy, cô trong Hội đồng để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết hiệu quả của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kì nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế phát sinh trong kỳ nói riêng của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát

triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó, đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu là vô cùng quan trọng. Bởi nếu phản ánh không đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp, mà kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ để cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong ngoài đơn vị đưa ra được các quyết định hữu hiệu, đó là:

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán đầy đủ, chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản làm giảm doanh thu phát sinh trong kỳ.
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.
- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2 Một số vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1 Doanh thu và các loại doanh thu.

1.2.1.1 Khái niệm doanh thu:

- Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.2.1.2 Các loại doanh thu:

Doanh thu tùy từng loại hình sản xuất kinh doanh và bao gồm:

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp dịch vụ.

❖ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ trong nội bộ doanh nghiệp hoặc giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp...

1.2.1.3 Nguyên tắc xác định doanh thu:

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Giá trị hợp lý: là giá trị tài sản có thể được trao đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự thay đổi ngang giá.

- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu về được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể sẽ nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo doanh thu.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi đã điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm. Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi đã điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán trừ thuế GTGT phải nộp được tính theo phương pháp trực tiếp.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hoá, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

- Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản như tài khoản “ Chiết khấu thương mại”, tài khoản “ Hàng bán bị trả lại” và tài khoản “ Giảm giá hàng bán”.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, mà chỉ hạch toán vào bên Có TK 131 “ Phải thu của khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua mới hạch toán vào TK 511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ được thực hiện như quy định đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, nghĩa là chỉ phản ánh vào doanh thu nội bộ số doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của các đơn vị thành viên cung cấp lẫn cho nhau. Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của các đơn vị thành viên.

1.2.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong điều kiện kinh doanh như hiện nay, để đẩy mạnh việc bán hàng hóa, thu hồi nhanh chóng tiền bán hàng, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến

khích đối với khách hàng. Nếu khách hàng mua với khối lượng hàng hóa lớn sẽ được doanh nghiệp giảm giá, nếu khách hàng thanh toán sớm tiền hàng sẽ được doanh nghiệp chiết khấu, còn nếu hàng hóa doanh nghiệp kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Các khoản trên sẽ làm giảm doanh thu.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách....

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp: Thuế GTGT, thuế XK, thuế TTĐB là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó.

1.2.2. Chi phí và các loại chi phí.

1.2.2.1. Khái niệm chi phí.

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.2.2.2. Các loại chi phí.

* **Chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh:** bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí

bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

*** Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

*** Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ .

*** Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

*** Chi phí hoạt động tài chính**

Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

*** Chi phí hoạt động khác**

Gồm chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

* *Chi phí khác*: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước.

* *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*: Là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Có thể khái quát mối quan hệ chặt chẽ giữa doanh thu, chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh bằng sơ đồ dưới đây.

Lợi nhuận sau thuế		
Lãi trước thuế	Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp	
Lãi gộp		Trị giá vốn hàng bán
Doanh thu thuần bán hàng		- Chiết khấu bán hàng - Giảm giá, trả lại - Thuế TTĐB
Doanh thu bán hàng		

*** Nguyên tắc xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Trên tài khoản này doanh nghiệp cần phải hạch toán đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động như hoạt động sản xuất kinh doanh; hoạt động tài chính; hoạt động khác;... Trong từng loại hoạt động kinh doanh, có thể được hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành, từng loại dịch vụ, ...(nếu có nhu cầu).

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

*** Ý nghĩa, tác dụng vai trò của kết quả kinh doanh**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

Tóm lại, việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp, tránh hiện tượng “lãi giả lỗ thật”. Hơn nữa còn có ý nghĩa với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp phân tích số liệu đưa ra các thông số cần thiết tạo điều kiện cho chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế vĩ mô được tốt hơn, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.3. Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp

1.3.1. Khái niệm:

Bán hàng là khâu cuối cùng của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, của quá trình tuần hoàn vốn. Nếu xét dưới góc độ kinh tế bán hàng là một quá trình chuyển giao sản phẩm, hàng hoá dịch vụ cho người mua, người đặt hàng và nhận được từ họ một số tiền tương ứng.

Quá trình bán hàng được chia thành 2 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1:* Xuất giao sản phẩm, hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ cho người mua, ở giai đoạn này hàng hoá vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và chưa được xác định là tiêu thụ.

- *Giai đoạn 2:* Người mua trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán lúc này hàng hoá mới được xác định là tiêu thụ và đồng thời kết thúc quá trình bán hàng.

Trên thực tế 2 giai đoạn này ít diễn ra đồng thời cùng một thời điểm mà phần lớn tách rời nhau về không gian và thời gian.

1.3.2. Các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp

Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng, hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Hiện nay các doanh nghiệp đang vận dụng các phương thức bán hàng sau:

- Bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.
- Bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán, gửi hàng đại lý, ký gửi: Bán hàng đại lý, ký gửi là phương thức bên chủ hàng(bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi(gọi là bên nhận đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Bán hàng theo phương thức trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo là bằng nhau trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

Theo phương pháp trả góp về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

1.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ.

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

a. Khái niệm:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

b. Chứng từ kế toán sử dụng

Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT - 3LL)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 - GTGT - 3LL)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...
- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 14 – BH)
- Báo cáo bán hàng

- Sổ cái TK 511, TK 512
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

c. Tài khoản sử dụng

* **Tài khoản 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 5 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

***Tài khoản 512** - Doanh thu bán hàng nội bộ:

+ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

* **Tài khoản 3331** - Thuế GTGT chi tiết TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra

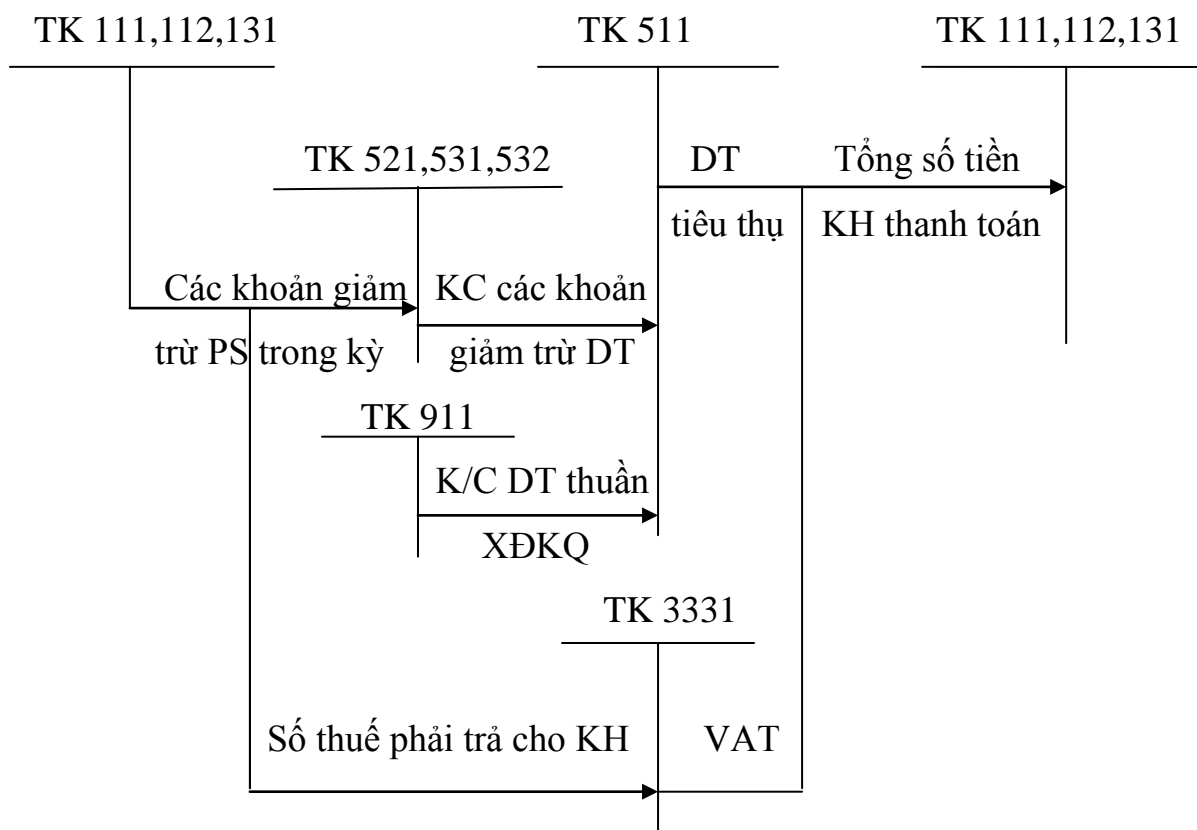
Tài khoản này áp dụng chung cho đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

d. Phương pháp kế toán doanh thu

* **TH 1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



*** TH2: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**

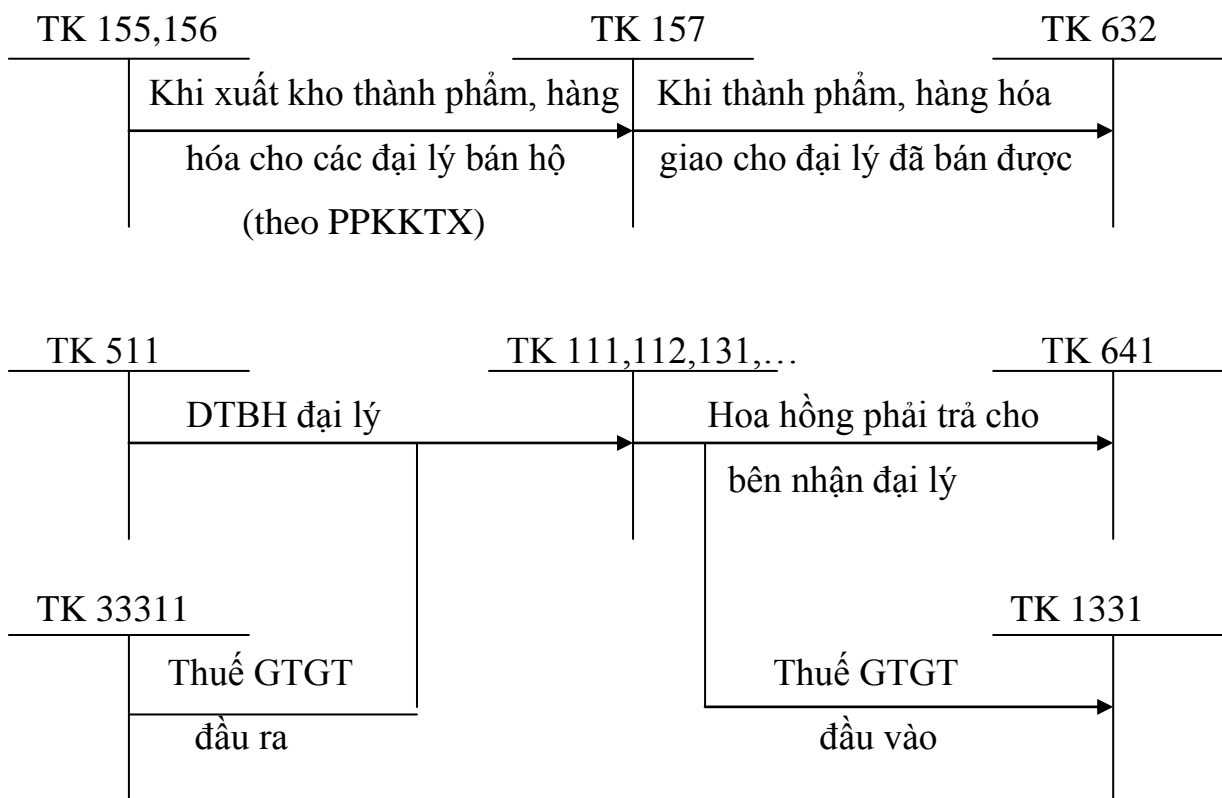
Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

- Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và

được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

**Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán
 đúng giá hưởng hoa hồng**



*** TH 3: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại; Hàng bán bị trả lại; Giảm giá hàng bán; Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

a. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

b. Tài khoản sử dụng

* **Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”** dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hoá).

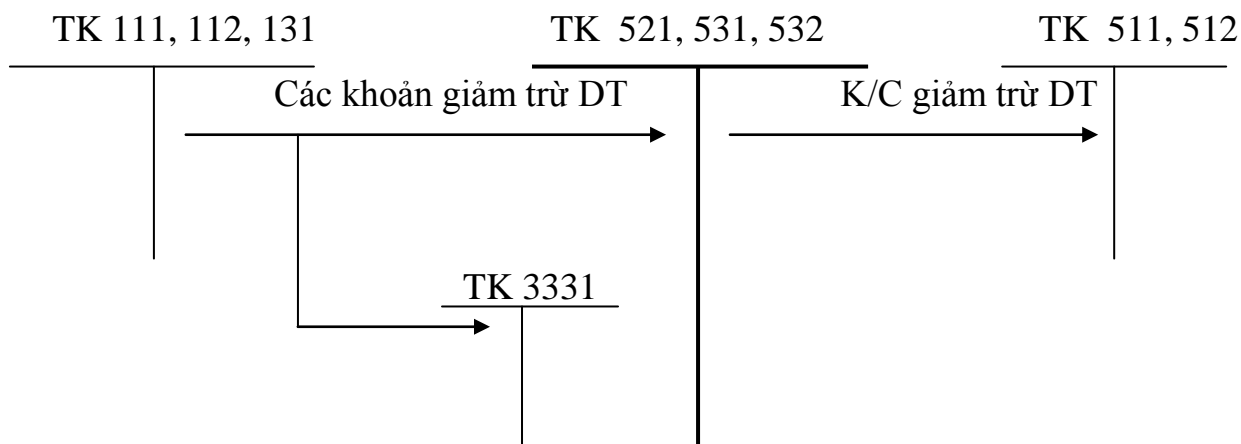
* **Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”** dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”.

* **Tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán”** dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

c. Phương pháp hạch toán

Trong kỳ kế toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh thực tế được phản ánh vào bên nợ của tài khoản 521,531,532. Cuối kỳ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được kết chuyển toàn bộ sang TK 511 “ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512 “ doanh thu nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Sơ đồ 1.3 : Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.4.2. Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

a. Nội dung.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

b. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKT – 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02/GTTT – 3LL)

c. Tài khoản sử dụng.

Kế toán sử dụng các TK chủ yếu sau:

+ TK 155 – Thành phẩm

+ TK 156 – Hàng hóa

TK 156 có 3 tài khoản cấp 2

TK 1561 – Giá mua hàng hóa

TK 1562 – Chi phí thu mua hàng hóa

TK 1567 – Hàng hóa bất động sản

+ TK 157 – Hàng gửi bán:

+ TK 611 – Mua hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

TK 611 chỉ áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

TK 611 không có số dư và có 2 TK chi tiết cấp 2

TK 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu

TK 6112 – Mua hàng hóa

+ TK 632 – Giá vốn hàng bán

c. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Trị giá vốn hàng bán được sử dụng để xác định kết quả kinh doanh là toàn bộ chi phí kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng, bao gồm: Trị giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

*** Phương pháp tính theo giá đích danh.**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

*** Phương pháp bình quân gia quyền.**

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Số lượng hàng xuất kho}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế hàng hóa tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn sau lần nhập } i}$$

*** Phương pháp nhập trước - xuất trước.**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

*** Phương pháp nhập sau - xuất trước.**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

*** Phương pháp hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

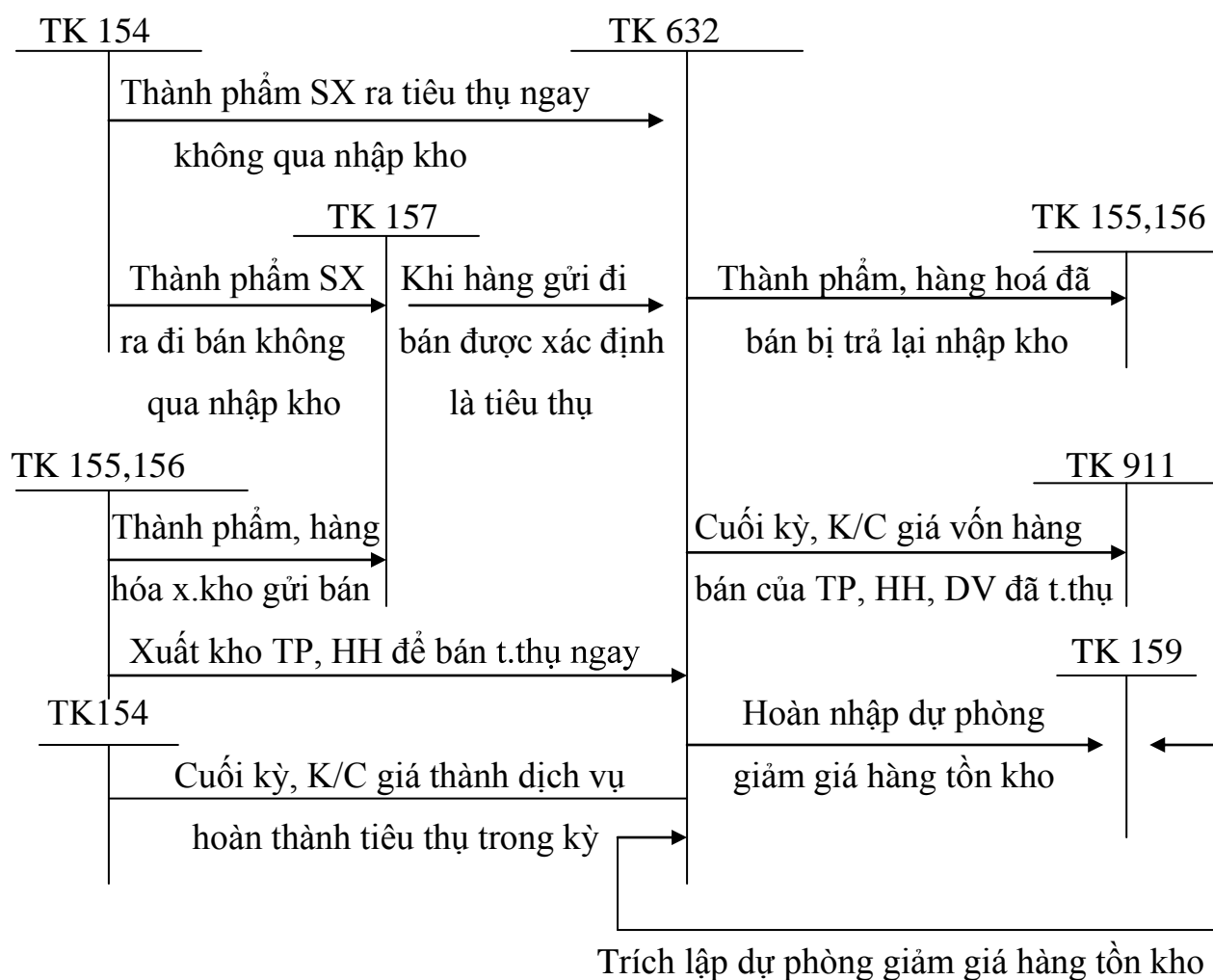
Phương pháp KCTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng

hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



*** Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)**

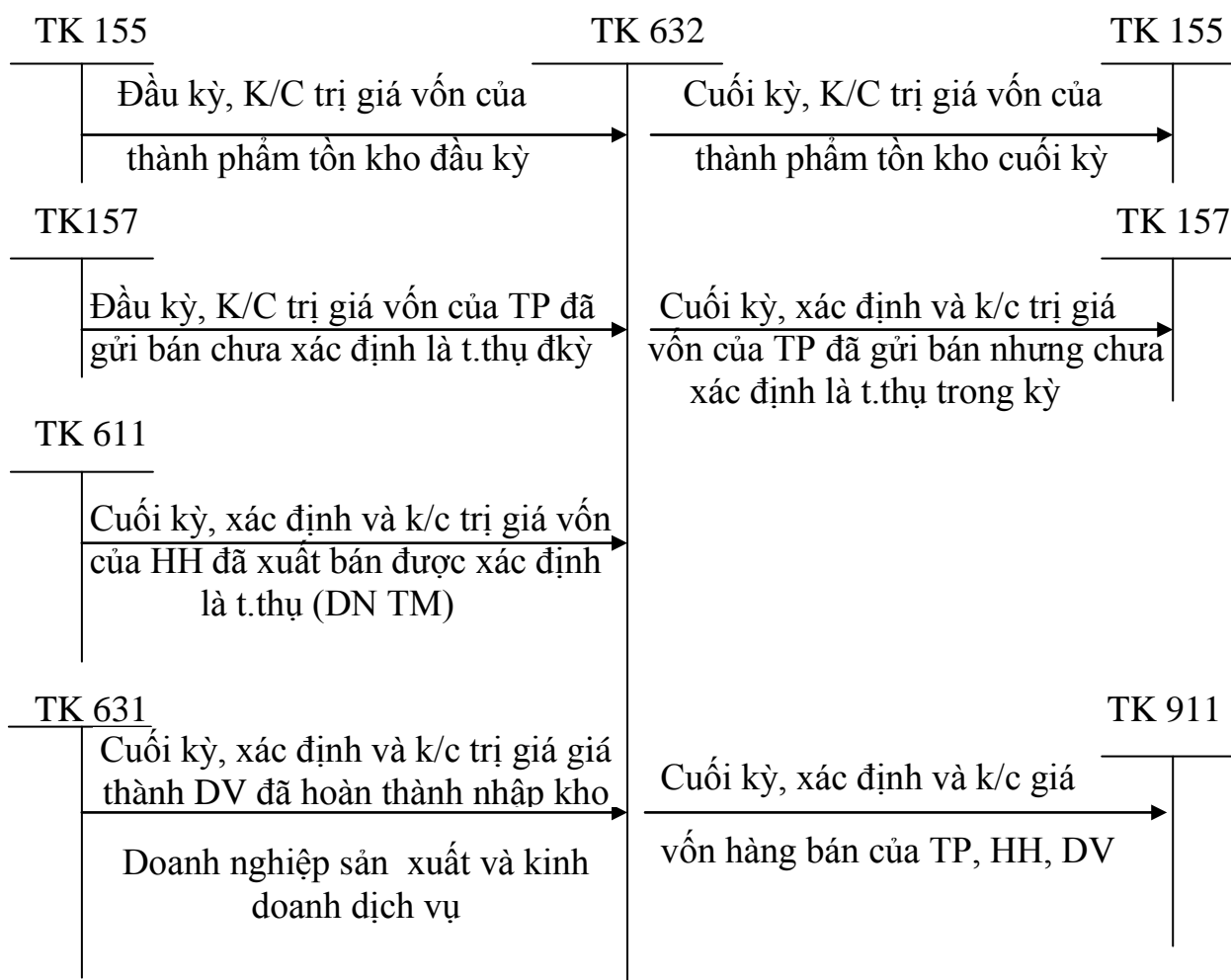
Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng, xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Tổng giá} & & \text{Trị giá} \\ \text{hàng xuất} & & \text{hàng tồn} & & \text{trị hàng} & & \text{hàng tồn} \\ \text{kho trong} & = & \text{kho đầu} & + & \text{nhập kho} & - & \text{kho cuối} \\ \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

Khác với phương pháp KKTX, phương pháp KKĐK sử dụng thêm TK 611 và các nghiệp vụ chỉ thực hiện vào đầu và cuối các chu kỳ kế toán. Các nghiệp vụ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng.

a. Khái niệm:

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa(trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm...

b. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Sổ chi tiết tài khoản 641
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 641

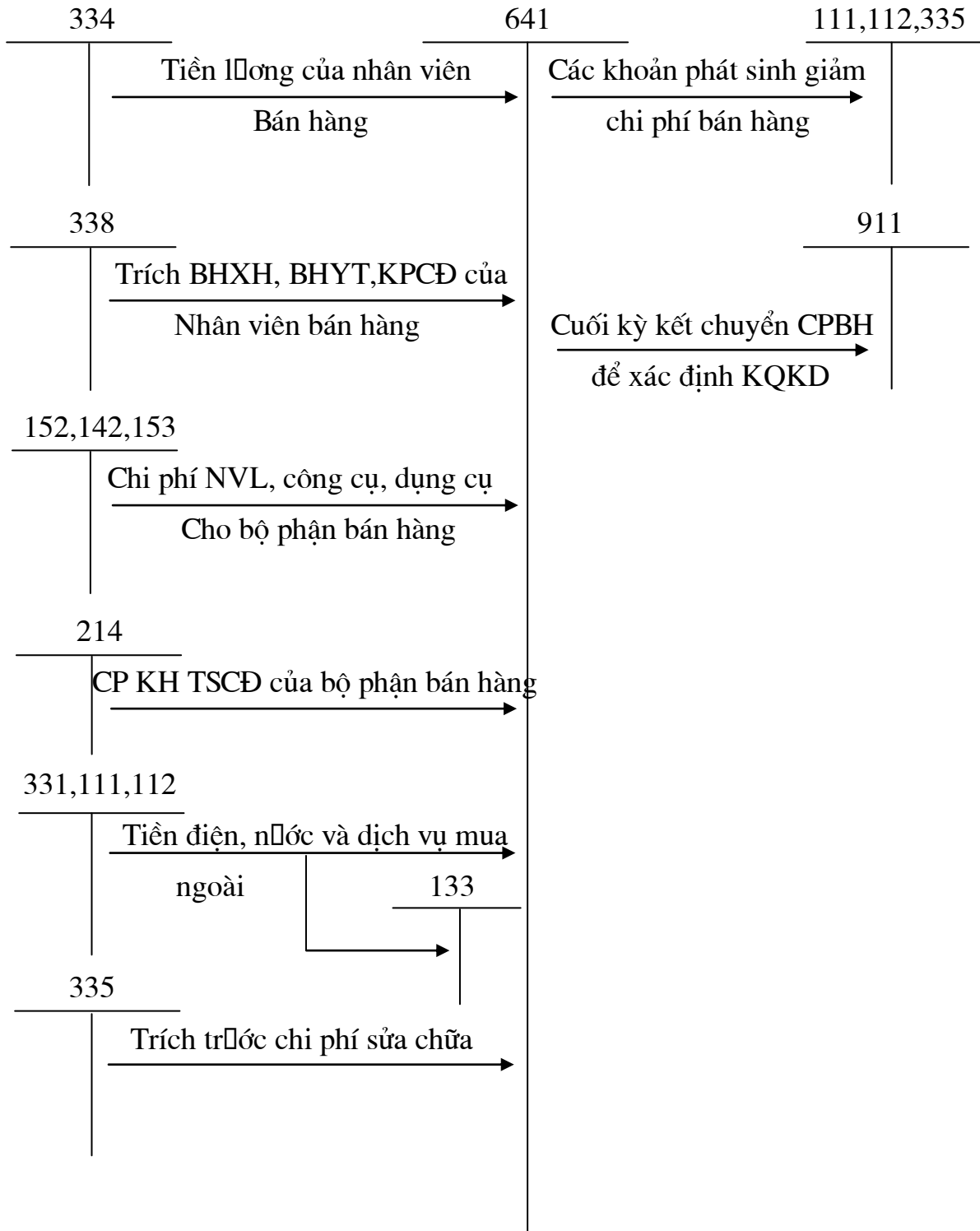
c. Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng.



1.4.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

a. Nội dung

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

b. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKL – 3LL)
- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 02 GTGT – 3LL)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Sổ chi tiết tài khoản 642
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

c. Tài khoản kế toán sử dụng:

*** Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

TK 6426: Chi phí dự phòng

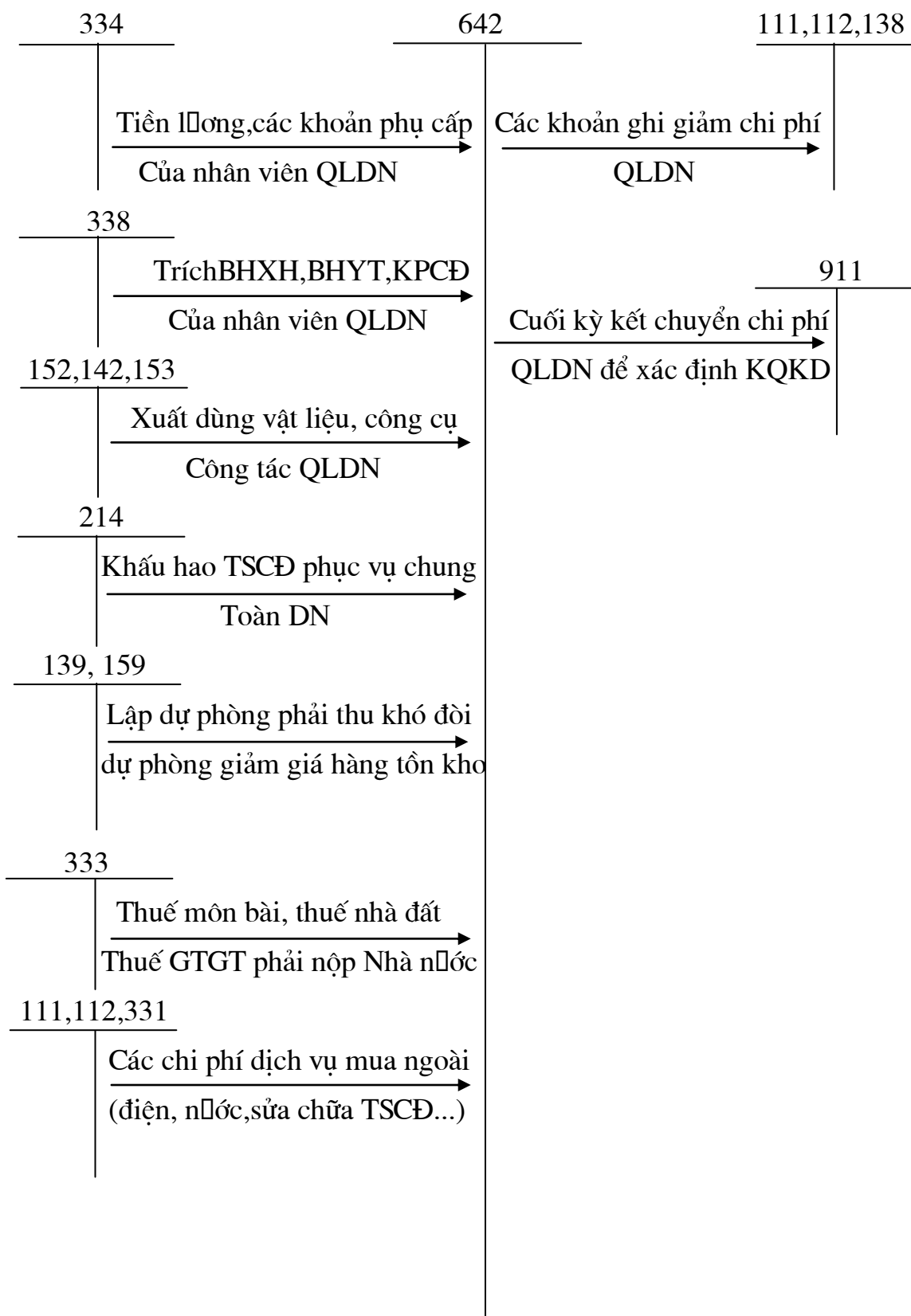
TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

d. Phương pháp hạch toán

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.



1.4.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

1.4.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

a. Khái niệm:

Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

b. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKL – 3LL)
- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa.
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, giấy báo có của ngân hàng..)

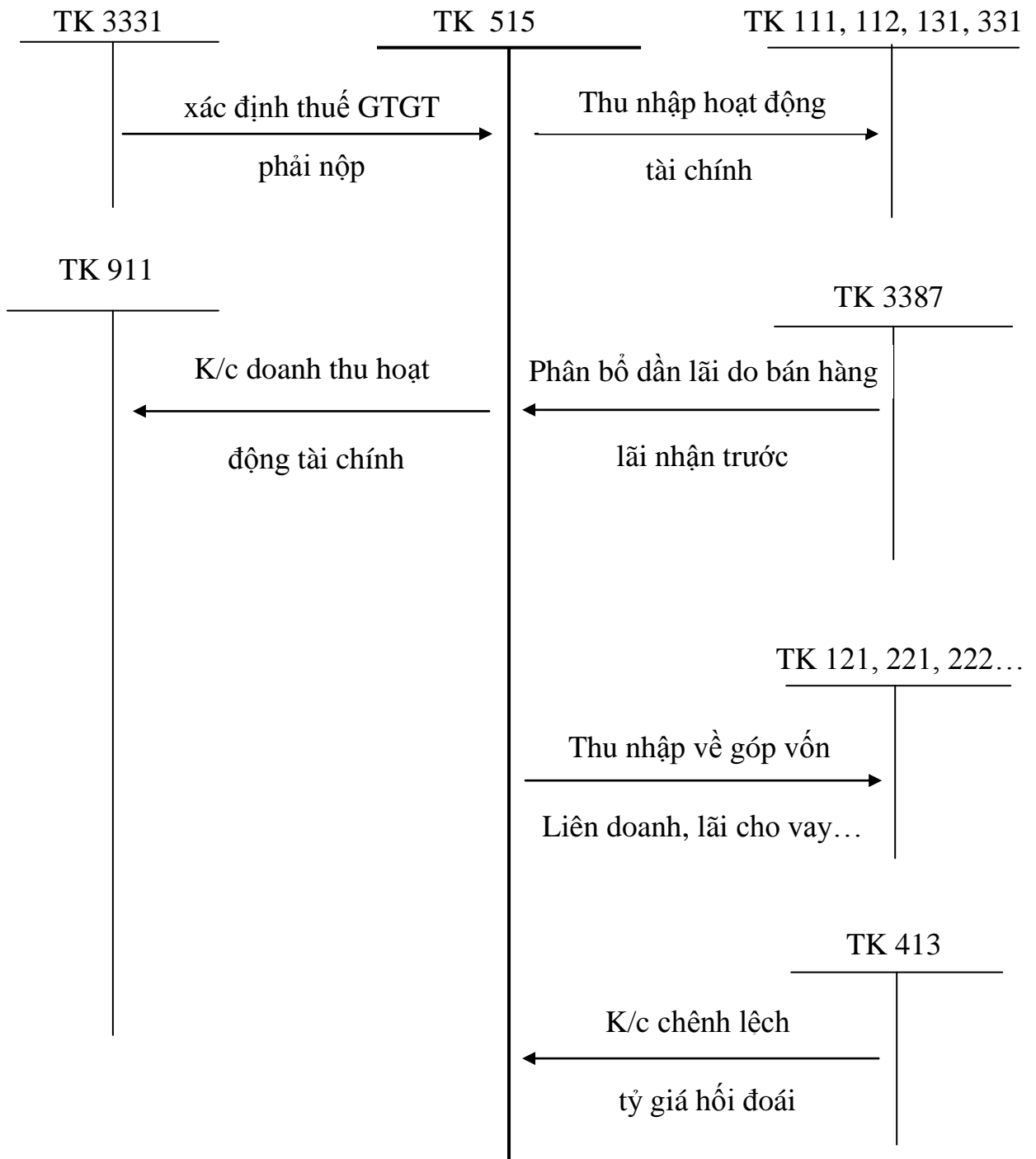
c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

d. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

a. Khái niệm:

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

b. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKL – 3LL)
- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa.
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, giấy báo có của ngân hàng..)

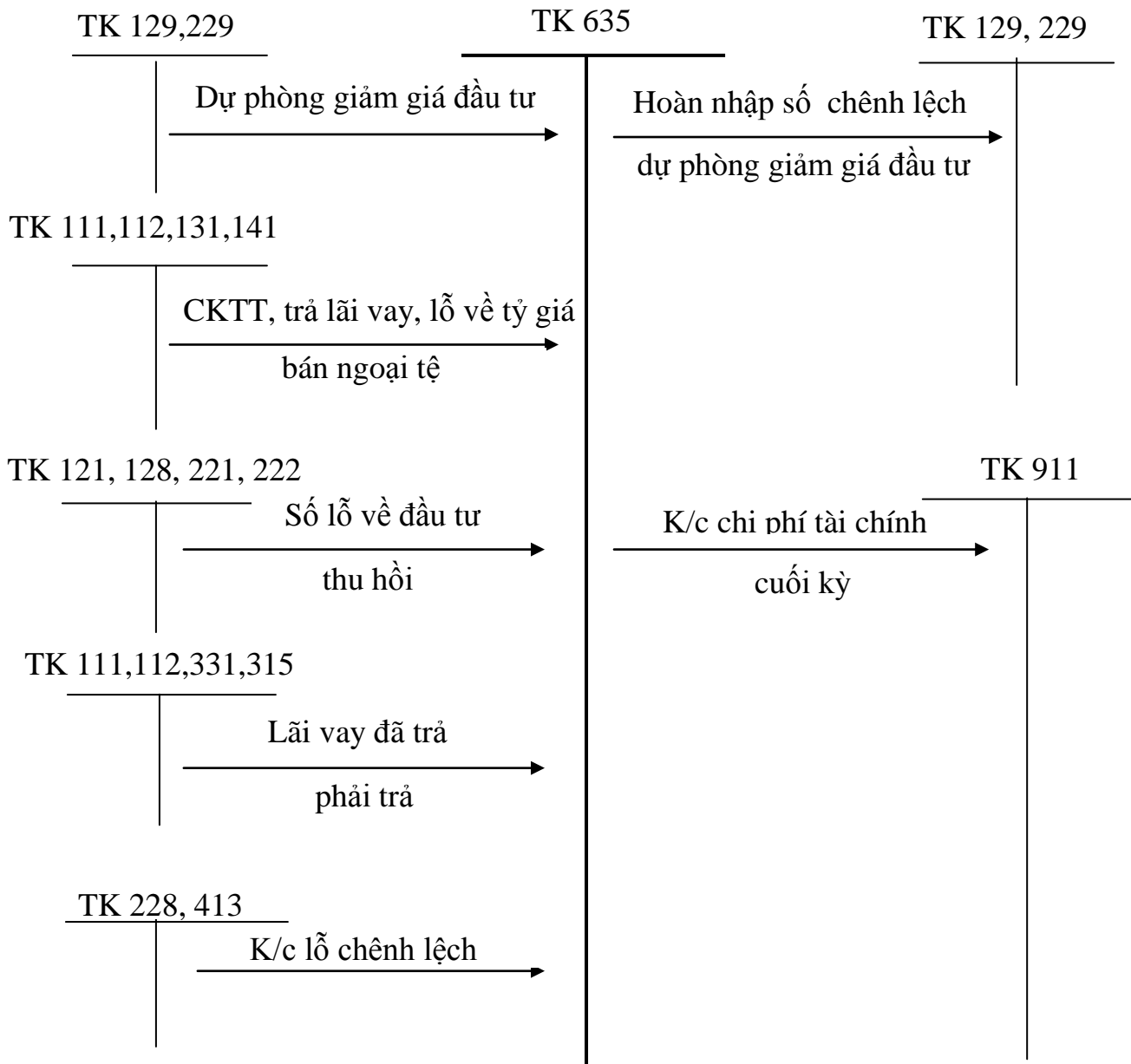
c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

d. Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính



1.4.4. Kế toán thu nhập, chi phí khác.

1.4.4.1. Kế toán thu nhập khác.

a. Khái niệm:

Phản ánh các khoản thu nhập hoạt động khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b. Chứng từ sử dụng.

- Biên bản thanh lý TSCĐ.

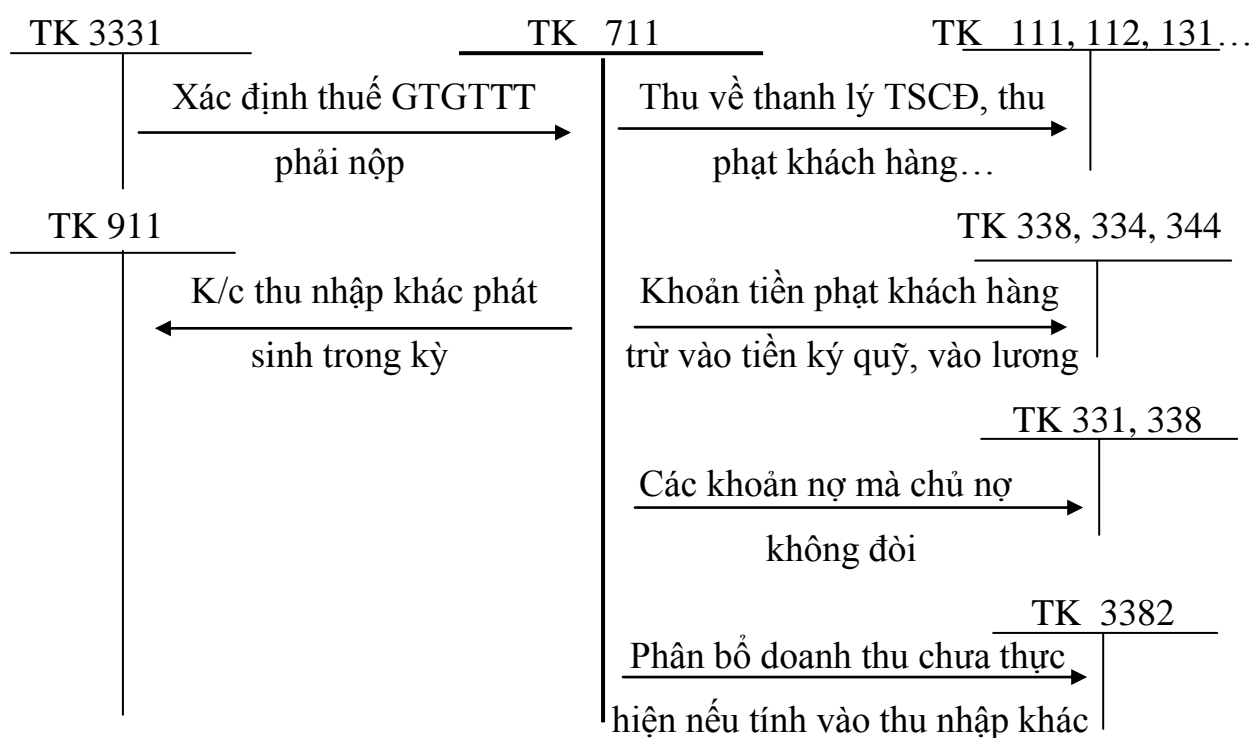
c. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

d. Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



1.4.4.2. Kế toán chi phí khác.

a. Khái niệm.

Phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí(lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Chứng từ sử dụng.

- Biên bản thanh lý TSCĐ.

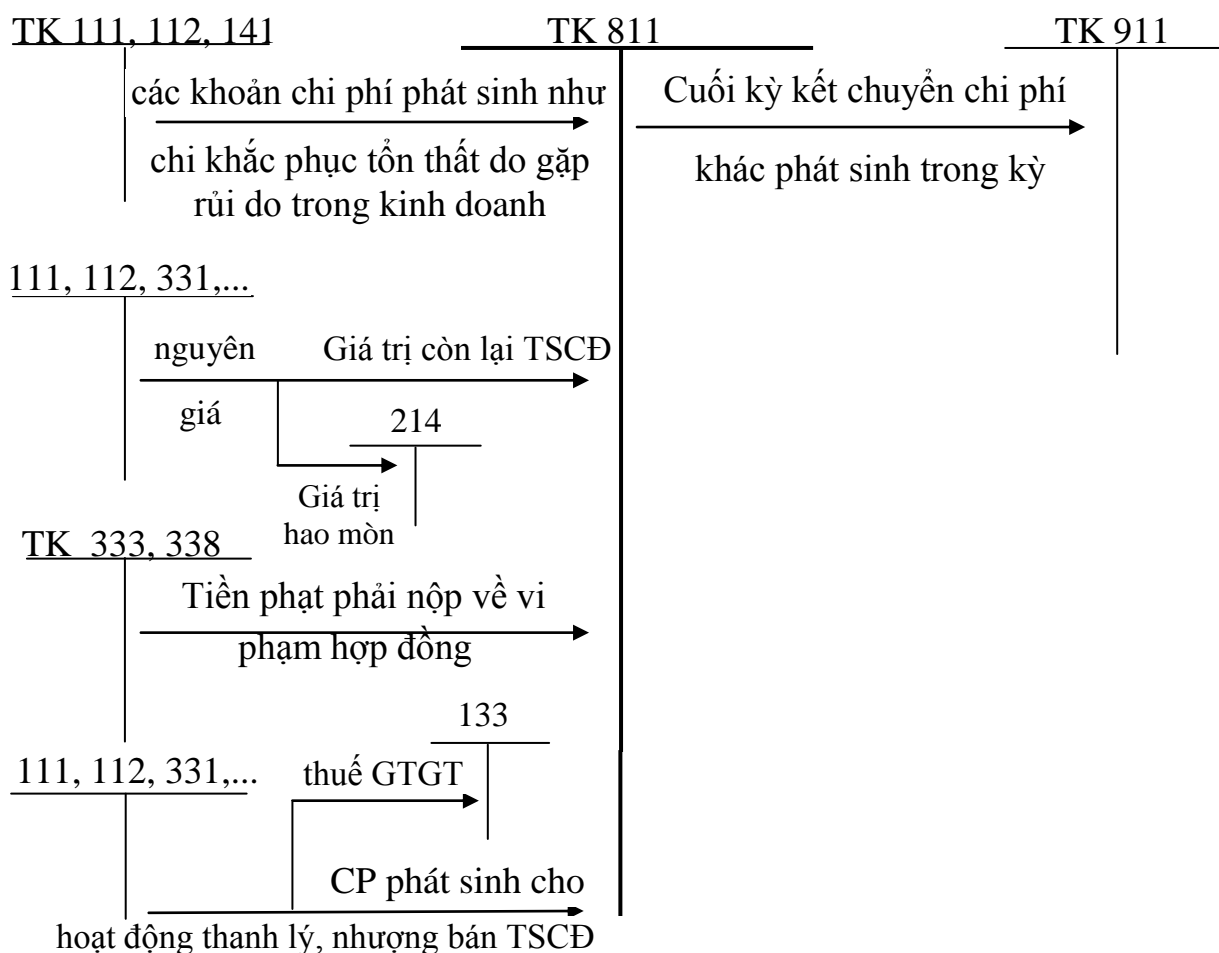
c. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

d. Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác



1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.4.5.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh.

- **Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

- **Kết quả hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- **Kết quả hoạt động khác:** là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.4.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

a. Chứng từ sử dụng

Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả và một số sổ liên quan khác.

b. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

c Phương pháp hạch toán

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

Lãi (lỗ)	DTT về bán	Giá	Doanh	Chi	CPBH, CPQLDN tính
từ hđ	= hàng và cung	vốn	+ thu	- phí	-
sxkd	cấp dịch vụ	hàng	HĐTC	HĐTC	cho hàng tiêu
		bán			thụ trong kỳ

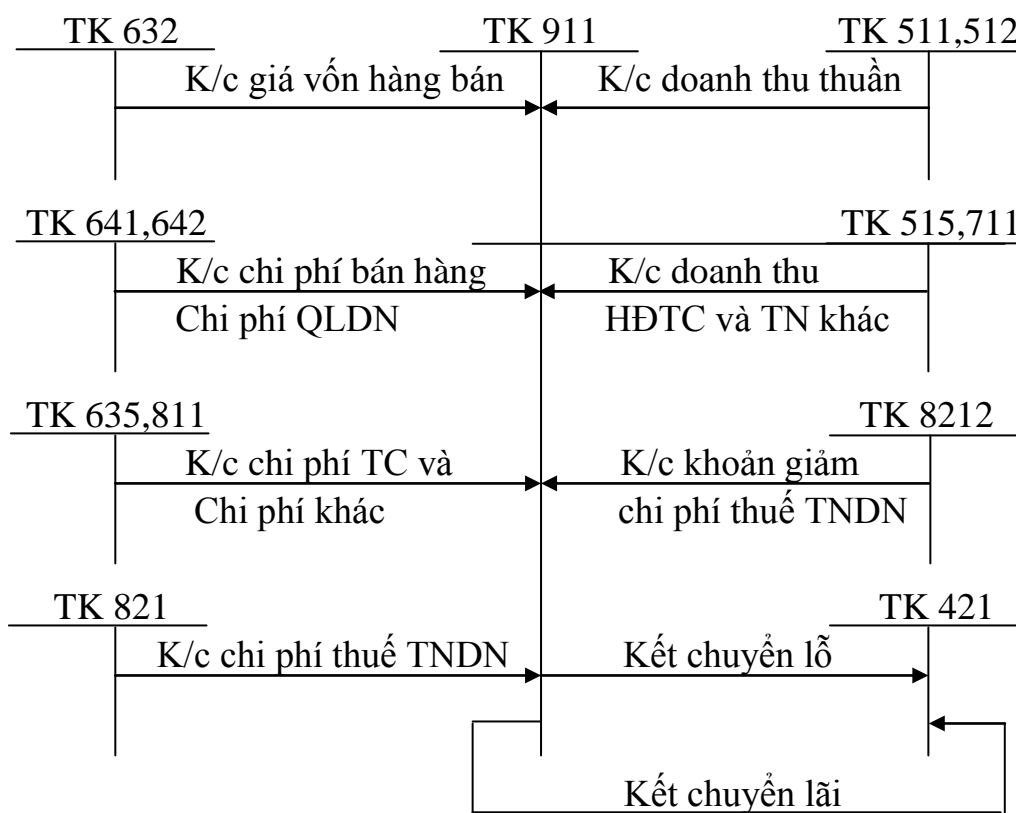
Trong đó: DTT = tổng doanh thu bán hàng - các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

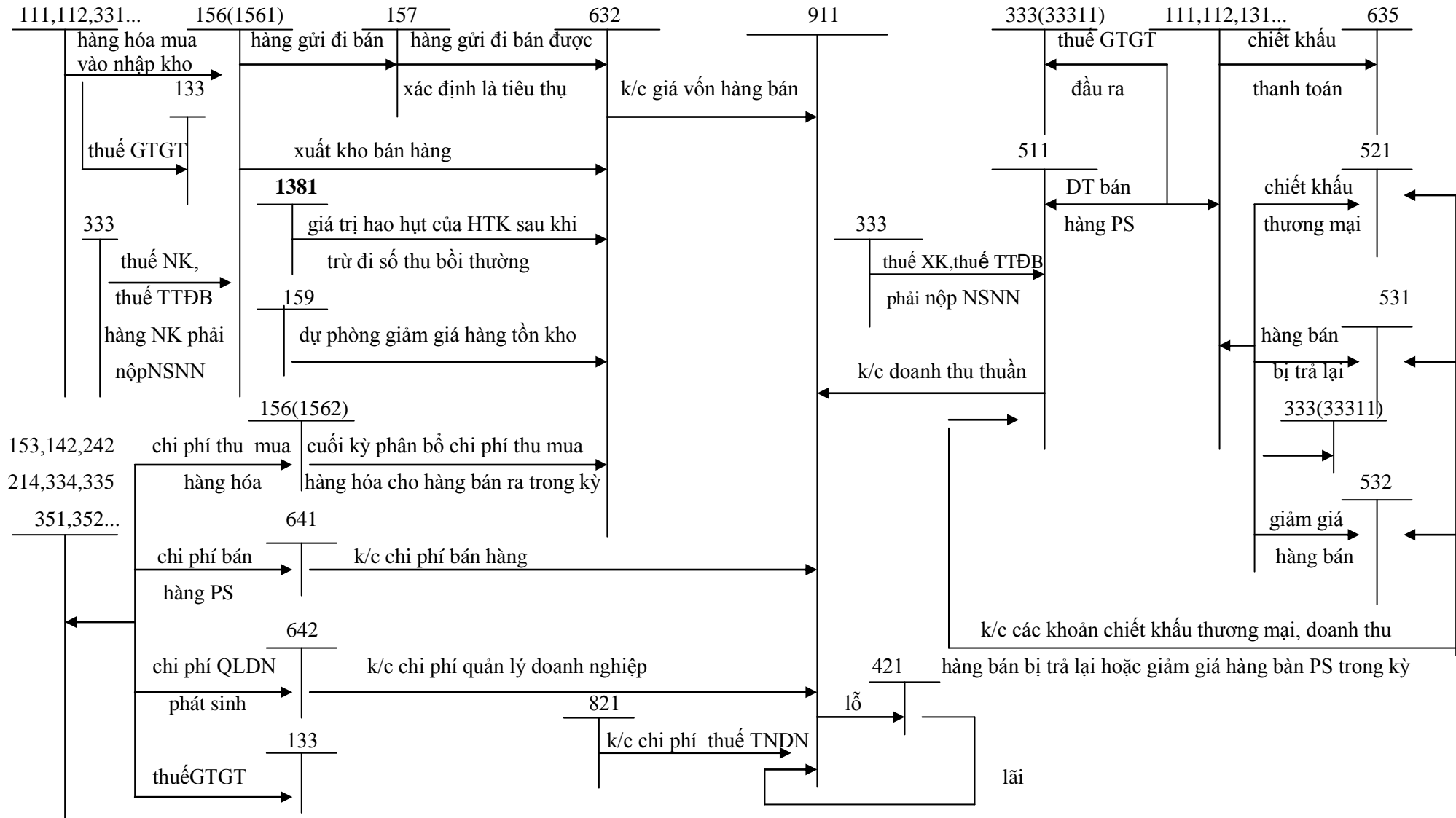
Lãi (lỗ) hoạt động khác = Thu nhập khác - chi phí khác

Kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Sơ đồ 1.13: Mô hình kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh



1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu , chi phí xác định kết quả kinh doanh.

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ có thể áp dụng một trong năm hình thức sổ kế toán sau:

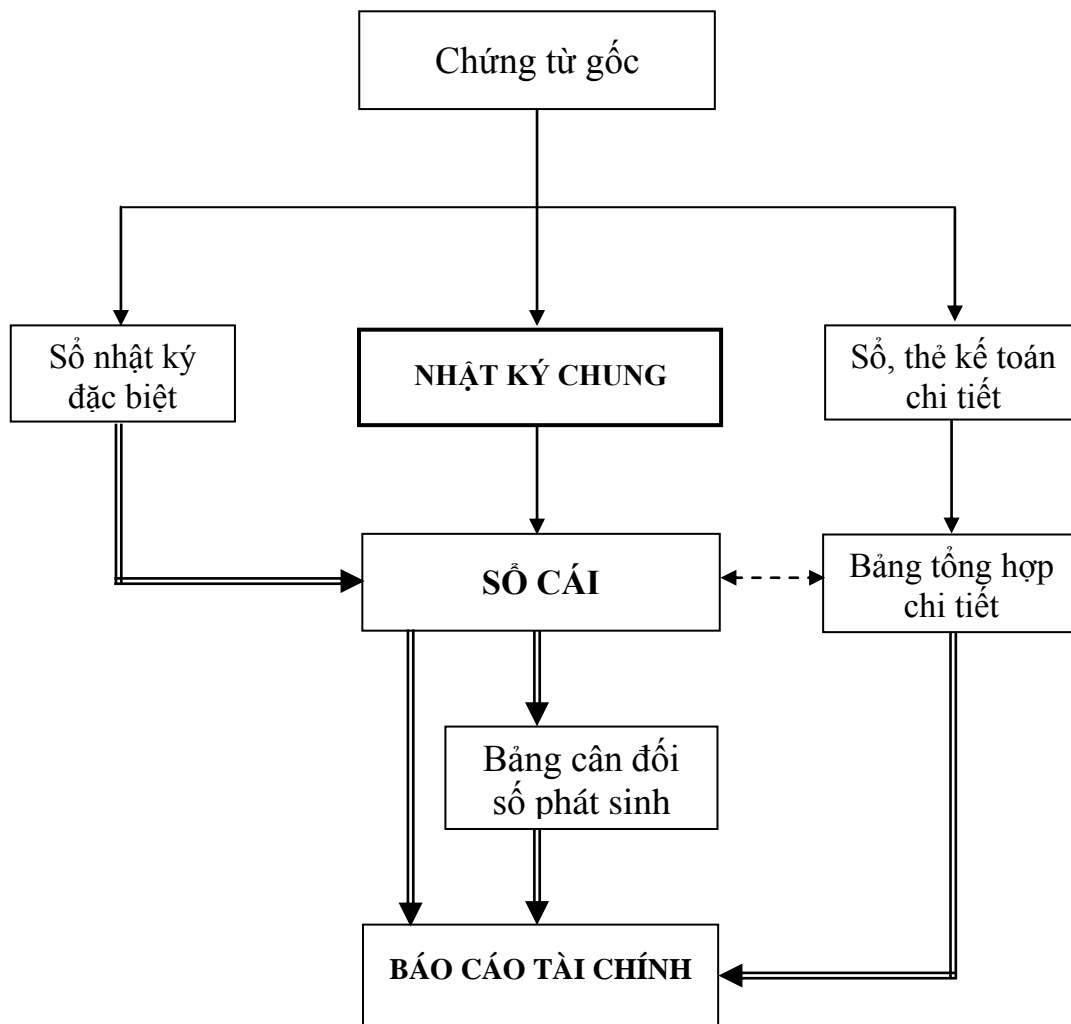
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký- Sổ cái
- Hình thức Nhật ký chứng
- Hình thức kế toán máy

Do phạm vi của luận văn có hạn nên để phục vụ cho việc khảo sát thực tế ở công ty TNHH XNK - TM Thành Phát nên em xin trình bày hình thức Nhật ký chung.

1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:

Trình tự kế toán theo hình thức nhật ký chung được mô tả thông qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi định kỳ (cuối tháng, quý)
- ←-.-→ Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH PHÁT

2.1. Khái quát chung về công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành phát.

2.1.1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển.

Từ khi có chính sách mở cửa chuyển đổi cơ chế từ quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường cùng với sự ra đời của Luật doanh nghiệp, công ty,...Lần lượt đã có nhiều công ty với đủ loại hình kinh doanh được hình thành và phát triển với quy mô khá lớn, có dây chuyền theo phương pháp công nghiệp nhưng do yêu cầu trong nước và xu thế hội nhập quốc tế được nâng tới một tầm cao mới. Từ đó công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Thành Phát được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thi hành.

Công ty được thành lập có tên gọi: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành Phát.

Trụ sở của công ty : Số 28 - Đường Lê Thánh Tông - Phường Máy Chai

Quận (Huyện) : Ngô Quyền

Thành phố : Hải Phòng.

Vốn điều lệ : 4.000.000.000

Tel : 0313.768811

Fax : 0313.768812

Mã số tài khoản : 3.003.888.001 được mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200466503.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001446 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/04/2004.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Các lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

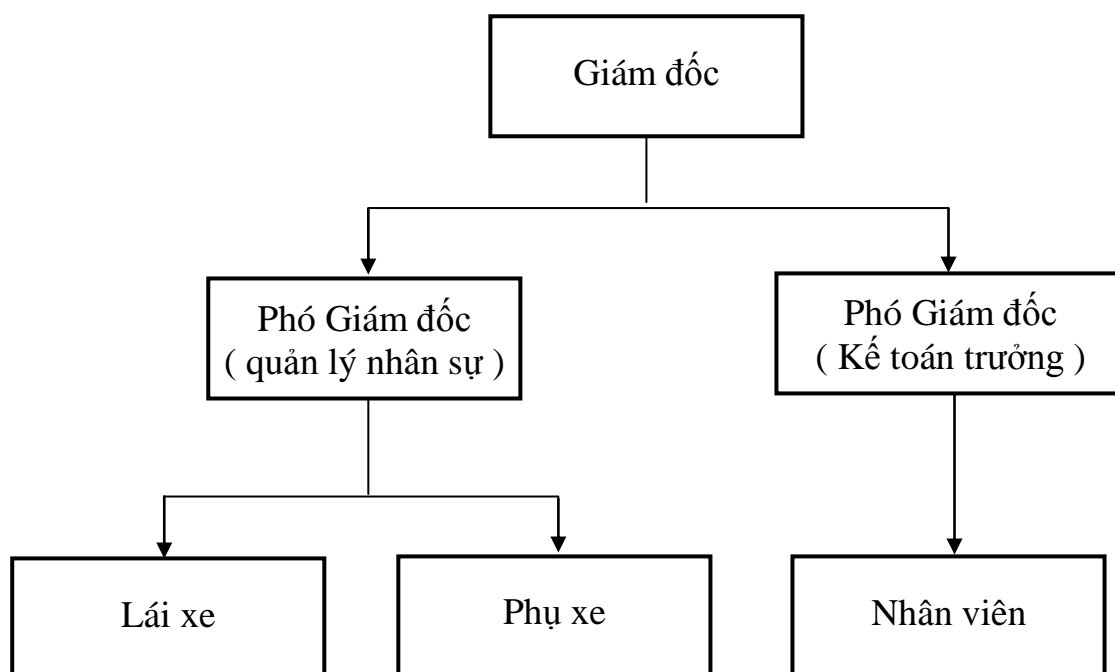
- + Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô vận tải của công ty Thành Phát.
- + Kinh doanh kho bãi, làm dịch vụ giao nhận đại lý vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ Container, làm các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa như: xếp dỡ, đóng gói bao bì, thuê phương tiện vận tải tới địa điểm theo yêu cầu.
- + Cho thuê xe vận tải.
- + Kinh doanh dầu.

2.1.3. Mô hình tổ chức quản lý của công ty TNHH Thành Phát.

2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức công ty:

Công ty hoạt động trên tinh thần “ hiệu quả công việc là chính”, bộ máy tổ chức gọn nhẹ, cán bộ công nhân viên không nhiều nhưng làm việc đạt hiệu quả cao.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng nên ta có sơ đồ bộ máy quản lý của công ty như sau:



Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức quản lý của công ty

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ các vị trí trong công ty.

*** Giám đốc:**

Là người đứng đầu công ty, quản lý toàn bộ vốn, tài sản của công ty và sử dụng toàn bộ lượng vốn và tài sản đó vào việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định điều lệ của công ty, luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật nhằm:

Tạo việc làm đảm bảo đời sống cho người lao động.

Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà Nước.

Giám đốc là người trực tiếp quản lý, chỉ đạo và tổ chức toàn bộ, mọi hoạt động của công ty. Chịu mọi trách nhiệm trước cơ quan Nhà Nước và toàn thể cán bộ công nhân viên về việc xây dựng công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

*** Phó giám đốc:**

Dưới Giám đốc là Phó giám đốc, phó giám đốc là người trực tiếp cố vấn, tham mưu cho Giám đốc của công ty.

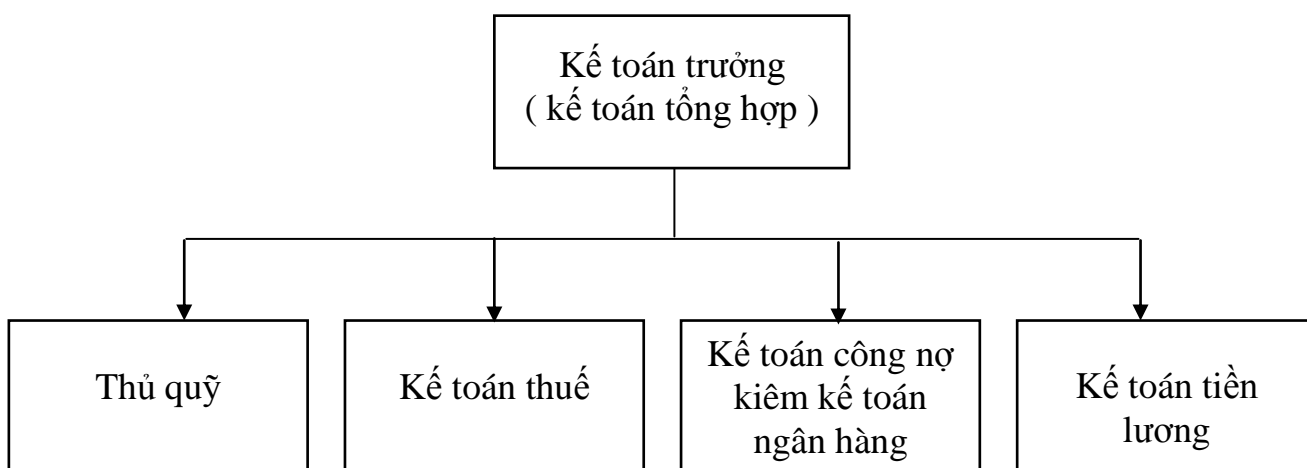
Phó giám đốc được quyền quyết định theo lĩnh vực đã được phân công khi Giám đốc vắng mặt và chịu trách nhiệm trước giám đốc và cán bộ công nhân viên về kết quả công tác trong lĩnh vực được phân công.

Phó Giám đốc (Quản lý nhân sự): quản lý mọi công việc hoạt động của đội ngũ nhân viên lái xe cũng như phụ xe, đồng thời chịu trách nhiệm điều tiết nhân sự trong công ty.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thành Phát.

2.1.4.1. Mô hình tổ chức kế toán của công ty.

Công ty đang sử dụng mô hình kế toán tập trung bao gồm kế toán trưởng và bốn nhân viên kế toán làm ở bốn mảng công việc khác nhau.



Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

*** Nhiệm vụ của từng bộ phận:**

- Kế toán trưởng: là người điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình Giám đốc, phải duyệt quyết toán quý năm theo đúng chế độ. Tham mưu cho Giám đốc trong việc sử dụng và quản lý có hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh.

Đồng thời kế toán trưởng phải chịu trách nhiệm tổng hợp toàn bộ chứng từ sổ sách, ghi chép các nghiệp vụ diễn ra hàng ngày, tính ra chi phí, doanh thu từng loại hàng hóa, dịch vụ trong công ty.

- Kế toán công nợ kiêm kế toán ngân hàng: chịu trách nhiệm theo dõi công nợ với khách hàng, đối tác làm ăn cũng như với các nhà cung cấp. Kiểm tra kiểm soát các chứng từ mua vật tư trong công ty, tính hợp lý của chứng từ trước khi kế toán trưởng phê duyệt. Chịu trách nhiệm theo dõi cả khoản tài chính liên quan đến ngân hàng, trực thuộc giao dịch với ngân hàng, rút tiền mặt. Nộp phiếu thu, phiếu chi, chứng từ, giấy đề nghị thanh toán.

Có nhiệm vụ hàng tháng lập nhu cầu vốn, giao dịch vay vốn với ngân hàng, mở sổ sách theo dõi tiền vay, tiền gửi ngân hàng, lập báo cáo, kiểm tra chứng từ đầu vào, thanh toán với người bán, người tạm ứng.

- Kế toán thuế: theo dõi các khoản thuế, tính và lập các tờ kê khai thuế hàng tháng. Chịu trách nhiệm lập báo cáo thuế cho công ty, tính ra số thuế phải nộp hoặc được hoàn lại cho đơn vị. Tính toán và trích nộp đầy đủ, kịp thời các khoản nộp vào ngân sách nhà nước.

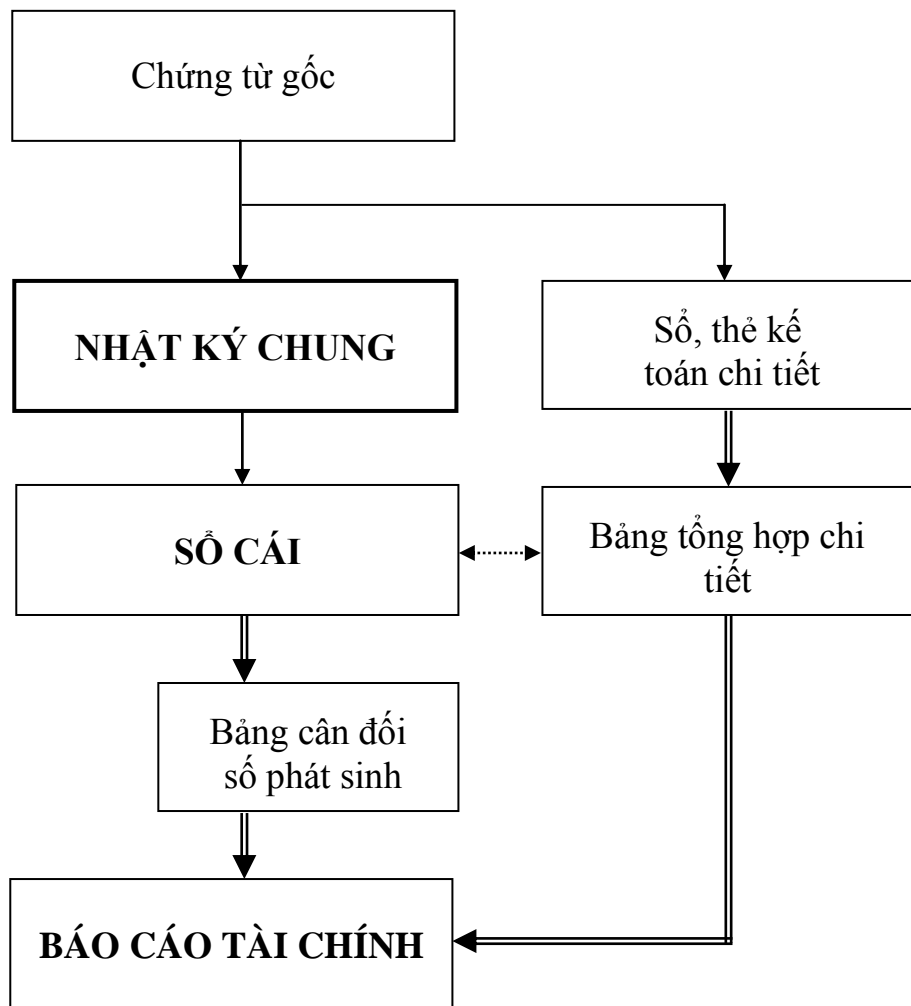
- Kế toán tiền lương: chịu trách nhiệm tính ra lương, thanh toán lương hàng tháng cho cán bộ công nhân viên toàn công ty. Đồng thời giải quyết việc tạm ứng lương cho lao động trong công ty.

- Thu quỹ: có nhiệm vụ bảo quản tiền mặt, thực hiện nhiệm vụ thu chi theo đúng nguyên tắc và hợp lý, lập báo cáo tiền mặt theo định kỳ. Ghi sổ quỹ hàng ngày theo mẫu quy định sổ sách kế toán.

Hàng ngày thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số lượng tiền quỹ thực tế, tiến hành đối chiếu số liệu với sổ quỹ tiền mặt.

2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Dưới đây là trình tự kế toán nhật ký chung.



Ghi chú:
—————> : Ghi hàng ngày
=====> : Ghi cuối tháng, cuối kỳ
◄-----> : Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ hạch toán theo hình thức sổ kế toán Nhật kí chung.

2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty.

Hiện nay công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 15 ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng Việt Nam.

* Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

* Tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

* Tính khấu hao TSCĐ theo giá trị còn lại.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích Báo cáo kế toán.

Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là cuối mỗi quý của năm tài chính:
Gồm có các báo cáo sau:

- + Bảng cân đối kế toán.
- + Báo cáo kết quả kinh doanh.
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH XNK - TM Thành Phát.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và loại hình kinh doanh dịch vụ.

Công ty TNHH Thành Phát là công ty chuyên về vận tải nên sản phẩm hàng hoá chính của công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ là chủ yếu.

Ngoài ra, công ty còn kinh doanh kho bãi, làm dịch vụ đại lý giao nhận vận tải hàng hoá bằng phương tiện đường bộ Container, làm các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hoá như: xếp dỡ, đóng gói bao bì, thuê phương tiện vận tải tới địa điểm theo yêu cầu, cho thuê xe vận tải.

2.2.1.2. Kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ.

a. Tổ chức tài khoản sử dụng:

Doanh thu chủ yếu của công ty là tiền cước vận chuyển Container.

Cước phí vận chuyển Container thường bao gồm: doanh thu vận tải nội địa; doanh thu chuyên chở container ở chặng đường chính; doanh thu bến, bãi container ở cảng xếp, dỡ, doanh thu khác...

Mức cước Container phụ thuộc vào những yếu tố sau:

- Loại, cỡ Container (ở đây công ty sử dụng 3 loại Container có đầu kéo Moóc International, kéo Kamaz và kéo Freightline).
- Loại hàng hoá xếp trong Container (nghĩa là căn cứ vào cấp hạng hàng hoá).
- Mức độ sử dụng trọng tải Container.
- Chiều dài và đặc điểm của tuyến đường chuyên chở.

b. Chứng từ sổ sách sử dụng.

- + Hoá đơn Giá trị gia tăng, phiếu thu...
- + Giấy báo có của Ngân hàng.
- + Chứng từ khác có liên quan (Nếu có).
- + Các sổ chi tiết được sử dụng, sổ chi tiết phải thu của khách hàng...

c. Trình tự hạch toán.

Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hoá đơn cho khách hàng (Hoá đơn GTGT).

Hoá đơn Giá trị gia tăng gồm có:

Liên 1: Màu tím, lưu lại cuống gốc để tại phòng kế toán.

Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng và làm chứng từ thanh toán.

Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

Thủ quỹ sau khi thu tiền, chuyển chứng từ cho kế toán, kế toán sau khi kiểm tra lại các thông tin sau đó tiến hành vào các sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 511, sổ cái TK 511.

Ví dụ: Ngày 25/12/2009 Công ty Thành Phát bán hàng cho Công ty TNHH MSC - VN theo Hoá đơn GTGT số 0042372 với tổng số tiền là 6.451.896 đồng. (biểu số 01). Ghi vào sổ sách theo trình tự sau:

Định khoản. Nợ TK 111 : 6.451.896

Có TK 511 : 5.865.360

Có TK 333 : 586.536

Từ hóa đơn GTGT số 0042372 (biểu số 01) kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 511.

Đồng thời cũng từ hóa đơn GTGT kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó ghi vào sổ cái TK 511.

Biểu số 01:

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/2009T		
Liên 3: Nội bộ			0042372		
Ngày 25 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát					
Địa chỉ: 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản: 3.003.888-001					
Điện thoại.....MS.....0200466503.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH MSC - VN					
Địa chỉ: Số 290 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng					
Số tài khoản: 3.150.002-12					
Hình thức thanh toán:.....Tiền mặt.....MS.....0303137370.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Cước vận chuyển	tấn	48	122.195	5.865.360
Cộng tiền hàng					5.865.360
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		586.536	
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.451.896
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu bốn trăm năm mươi một nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					

Biểu số 02:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền

Mẫu số 01-TT
QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

số: 002544

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Liên số 1
Nợ TK 1111: 6.451.896
Có: 511 : 5.865.360
Có: 333 : 586.536

Họ tên người nộp tiền: **Công ty TNHH MSC - VN**

Địa chỉ : Số 290 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Lý do thu : Thu cước vận chuyển theo hoá đơn GTGT 0042372

Số tiền : 6.451.896

Bằng chữ : **Sáu triệu bốn trăm năm mươi một nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng.**

Kèm theo.....01..... chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....
+Ti giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....
+Số tiền qui đổi

Biểu số 03:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

5111: Doanh thu vận tải nội bộ

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
		
24/12	0042362	24/12	Thu phí nâng hạ của công ty Bột mỳ Vinafood 1	1111		4,632,667
25/12	0042372	25/12	Thu tiền cước vận chuyển của công ty TNHH MSC - VN	1111		5.865.360
25/12	0042684	25/12	Thu cước vận chuyển của công ty CP vận tải Biển Bắc	1111		2,372,861
		
31/12		31/12	K/C doanh thu để XĐKQKD	911	225,126,499	
			Cộng số phát sinh		225,126,499	225,126,499
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

Nguồn tài liệu: trích Sổ chi tiết TK 5111 trong tháng 12 năm 2009

Biểu số 04:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát

Mẫu số s03a - DN

Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

(ban hành theo QĐ số 15/2006 /QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
01/12	0042125	01/12	Thanh toán tiền đầu nhòn cho công ty Cổ phần Cảng đoạn xá	1331	1.453.285	
				1523	14.634.015	
				1111		16.087.300
02/12	0042126	02/12	Thanh toán tiền phí nâng hạ cho công ty Cổ phần tiếp vận Biển Đông	1542	12.097.822	
				1331	628.528	
				1111		12.726.350
.....
25/12	0042372	25/12	Thu tiền cước vận chuyển của công ty TNHH MSC - VN	1111	6.451.896	
				511		5.865.360
				333		586.536
.....
31/12	0042384	31/12	Thanh toán lương tháng 12/2009	334	145.750.000	
				1111		145.750.000
			Cộng Phát sinh		9.253.002.610	9.253.002.610
.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

Biểu số 05:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
		
24/12	0042362	24/12	Thu phí nâng hạ của công ty LD khai thác Container VN	131		68.956.370
25/12	0042372	25/12	Thu tiền cước vận chuyển của công ty TNHH MSC - VN	1111		5.865.360
		
31/12		31/12	K/C doanh thu để XĐKQKD	911	1.722.825.754	
			Cộng số phát sinh		1.722.825.754	1.722.825.754
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguồn tài liệu: trích Sổ chi tiết TK 5111 trong tháng 12 năm 2009

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

a. Tổ chức tài khoản sử dụng:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải vì vậy mọi chi phí hoạt động dịch vụ vận tải được hạch toán vào TK 154. Sau đó tập hợp kết chuyển sang TK 632 - Giá vốn hàng bán dịch vụ.

Chi phí khấu hao TSCĐ cũng được tập hợp vào TK 632.

Để thuận tiện cho việc theo dõi và phản ánh được chính xác chi phí cho từng loại dịch vụ vận tải nhằm xác định chính xác giá vốn của từng loại dịch vụ công ty mở chi tiết cho từng loại chi phí như sau:

+ TK 1541: Chi phí thuê vận chuyên.

+ TK 1542: Chi phí khác.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng:

+ Hoá đơn Giá trị gia tăng.

+ Bảng tính và phân bổ khấu hao.

+ Sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết các TK có liên quan.

c. Trình tự hạch toán:

Khi nhận được hoá đơn liên quan đến nghiệp vụ phát sinh chi phí. Kế toán tiến hành kiểm tra và vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết và sổ cái tài khoản có liên quan.

VD: ngày 21/12/09 Công ty Thành Phát mua xăng dầu của công ty xăng dầu KV3. Tổng số tiền thanh toán là: 7.718.480 (đồng). Từ hóa đơn 0042372 (Biểu số 06) . Kế toán tiến hành kiểm tra và ghi vào sổ chi tiết TK 1541(biểu số 07) và vào sổ Nhật ký chung (biểu số 08) , và sổ cái tài khoản TK154 nhưng kết chuyển ngay sang TK 632 (biểu số 09).

Biểu số 06:

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/2009T		
Liên 2: Giao cho khách hàng			0042372		
Ngày 21 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát					
Địa chỉ: 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản: 3.003.888-001					
Điện thoại.....MS.....0200466503.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Xăng dầu KVIII					
Địa chỉ: Số 460 - Đường Hà Nội - Hải Phòng					
Số tài khoản: 3.486.958.623					
Hình thức thanh toán:.....Tiền mặt.....MS.....0300589452.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Mua dầu DO	Lít	560	12.530	7.016.800
Cộng tiền hàng					7.016.800
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		701.680	
Tổng cộng tiền thanh toán: 7.718.480					
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm mười tám nghìn bốn trăm tám mươi đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					

Biểu số 07:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 1541: Chi phí vận tải nội bộ
Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....
24/12	0042362	24/12	Phí nâng hạ của công ty LD khai thác Container VN	131	8.956.370	
25/12	0042372	25/12	Thu tiền cước vận chuyển của công ty TNHH MSC-VN	1111	5.865.360	
.....
31/12	0042380	31/12	Mua dầu DO của công ty Xăng dầu khu vực III	331	7.016.800	
31/12		31/12	K/c chi phí vận tải			225.126.499
			Cộng số phát sinh		225.126.499	225.126.499
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

Nguồn tài liệu: trích Sổ chi tiết TK 5141 trong tháng 12 năm 2009

Biểu số 08:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

Mẫu số s03a - DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006 /QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
01/12	0042125	01/12	Thanh toán tiền đầu nhòn cho công ty Cổ phần Cảng đoạn xá	1331	1.453.285	
				1523	14.634.015	
				1111		16.087.300
02/12	0042126	02/12	Thanh toán tiền phí nâng hạ cho công ty Cổ phần tiếp vận Biên Đông	1542	12.097.822	
				1331	628.528	
				1111		12.726.350
.....
21/12	0042380	31/12	Mua dầu DO của công ty Xăng dầu khu vực III	1541	7.016.800	
				133	701.680	
				331		7.718.480
25/12	0042372	25/12	Thu tiền cước vận chuyên của công ty TNHH MSC - VN	1111	6.451.896	
				511		5.865.360
				333		586.536
30/12		30/12	K/c chi phí	632	2.139.039.220	
				154		2.139.039.220
31/12	004238	31/12	Thanh toán lương tháng 12/2009	334	145.750.000	
				1111		145.750.000
			Cộng Phát sinh		9.253.002.610	9.253.002.610
.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Biểu số 09:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 632: Giá vốn hàng bán

Tháng 12 năm 2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12		29/12	K/c giá vốn vận tải nội bộ	1541	225.126.499	
31/12		31/12	K/c giá vốn vận tải thuê ngoài	1542	1.400.446.255	
31/12		31/12	K/c giá vốn vận tải dịch vụ khác	1543	97.253.000	
		
31/12		31/12	K/c chi phí khấu hao TSCĐ	214	172.570.920	
31/12		31/12	K/c Giá vốn	911		2.139.039.220
			Cộng số phát sinh		2.139.039.220	2.139.039.220
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

Nguồn tài liệu: trích Sổ cái TK 632 trong tháng 12 năm 2009

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.3.1. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

a. Tổ chức tài khoản sử dụng:

Công ty TNHH Thành Phát là doanh nghiệp mới thành lập được vài năm, đồng thời đây cũng là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh không lớn.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm các chi phí như: lương nhân viên cho đội ngũ lao động, các đồ dùng văn phòng phẩm, chi phí bảo dưỡng phương tiện vận tải định kỳ.....

TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng:

- + Hoá đơn Giá trị gia tăng.
- + Phiếu chi.
- + Các chứng từ khác có liên quan (Nếu có).
- + Sổ Nhật ký chung.
- + Sổ chi tiết TK 642, sổ cái TK 642

c. Quy trình hạch toán

Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, căn cứ vào các chứng từ liên quan kế toán tự động ghi số liệu vào Sổ Nhật ký chung và sổ kế toán có liên quan khác.

Cuối kỳ kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911.

VD: Ngày 12/12/2009: Thanh toán tiền điện

Biểu số 10:

HOÁ ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Mẫu số: 01/GTKT-2LN-01

AA/2009T

(Liên 2: Giao khách hàng)

0023835

Cty TNHH MTV điện lực HP

Từ ngày 10/11 đến ngày 9/12/2009

Điện lực: Ngô Quyền

MST: **0200340211**

Phiên: 2

Địa chỉ: Số 75 Chu Văn An - Ngô Quyền

Số GCS: **HB121 - 137**

Điện thoại: 2.213206

Tài khoản: **22000147889101 NH TM CP SG CH HP**

Họ tên người mua hàng:

Tên và địa chỉ khách hàng: Lương Văn Thù

Địa chỉ: Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản: 3.003.888.001

MSTKH: 0200466503

Mã KH: 900965820

Số C.tơ : 5969006

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
6744	6084	1	660		
Ngày 10/12/2009 TUQ Giám đốc			50	600	30.000
			50	1.004	50.200
			50	1.214	60.700
			510	1.594	812.940
Nguyễn Quang Vinh					
Cộng					953.840
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			95.384
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.049.224
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Biểu số 11:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền

Mẫu số 01-TT
QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

số: 001256

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Liên số 1

Nợ TK 642: 953.840

Nợ TK133 : 95.384

Có: 111: 1.049.224

Họ tên người nhận tiền: **Công ty TNHH MTV điện lực HP**

Điện lực : Ngô Quyền

Địa chỉ : Số 75 Chu Văn An - Ngô Quyền - Hải Phòng

Lý do thu : Thu tiền điện theo Hoá đơn GTGT 0023835

Số tiền : 1.049.224

Bằng chữ : **Một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng.**

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): **Một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng.**

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ).....
+Tỉ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....
+Số tiền qui đổi

Biểu số 12:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

Mẫu số s03a - DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006 /QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
01/12	0042125	01/12	Thanh toán tiền dầu nhờn cho công ty Cổ phần Cảng đoạn xá	1331	1.453.285	
				1523	14.634.015	
				1111		16.087.300
02/12	0042126	02/12	Thanh toán tiền phí nâng hạ cho công ty Cổ phần tiếp vận Biển Đông	1542	12.097.822	
				1331	628.528	
				1111		12.726.350
.....
12/12	0023835	12/12	Công ty Điện lực Việt Nam (thanh toán tiền điện)	642	935.840	
				133	93.584	
				111		1.049.224
18/12	0027335	18/12	Ngân hàng Vietcombank trả tiền lãi cho công ty	1121	540.355	
				515		540.355
20/12	0023856	20/12	Bán thanh lý xe Container biển số 16K - 1278	1111	195.544.722	
				711		177.767.929
				3331		17.776.793
21/12	0042380	21/12	Mua dầu DO của công ty Xăng dầu khu vực III	1541	7.016.800	
				133	701.680	
				331		7.718.480
.....
25/12	0042372	25/12	Thu tiền cước vận chuyên của công ty TNHH MSC - VN	1111	6.451.896	

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH PHÁT**

				511		5.865.360
				333		586.536
31/12		31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911		225.126.499
				511	225.126.499	
31/12		31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	911		1.256.630
				515	1.256.630	
31/12		31/12	K/c thu nhập khác	911		448.015.416
				711	448.015.416	
31/12		31/12	K/c giá vốn hàng bán	911	2.139.039.220	
				632		2.139.039.220
31/12		31/12	K/c chi phí QLDN	911	67.526.059	
				642		67.526.059
31/12		31/12	K/c lỗ	421	34.470.479	
				911		34.470.479
			Cộng Phát sinh		9.253.002.610	9.253.002.610
.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

Biểu số 13:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp Tháng 12 năm 2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....
10/12	0025968	10/12	Công ty Viễn thông quân đội Viettel (Cước điện thoại)	111	548.350	
12/12	0023835	12/12	Công ty điện lực Hải Phòng (thanh toán tiền điện)	111	935.840	
15/12	0033561	15/12	Công ty Viễn thông VNPT chi nhánh Hải Phòng (Cước điện thoại)	111	1.289.340	
30/12		30/12	K/c chi phí KH TSCĐ	214	58.150.490	
31/12		31/12	K/c chi phí QLDN	911		67.526.059
			Cộng số phát sinh		67.526.059	67.526.059
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Nguồn tài liệu: trích Sổ cái TK 642 trong tháng 12 năm 2009

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

a. Tổ chức tài khoản sử dụng.

* Doanh thu tài chính của công ty chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

+ Giấy báo có.

+ Sổ nhật ký chung.

+ Sổ cái TK 515.

c. Quy trình hạch toán.

Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Kế toán tiến hành kiểm tra, sau đó từ chứng từ là giấy báo có của Ngân hàng kế toán mới vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 12), sau đó vào sổ cái TK 515.

Ví dụ: Ngày 18/12/2009 ngân hàng Vietcombank trả lãi cho công ty: 540.355(đồng).

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Trong tháng Doanh nghiệp không phát sinh chi phí hoạt động tài chính.

Biểu số 14:

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	Mã GDV: BATCH Mã KH: 10360
GIẤY BÁO CÓ Số GD: 02 Ngày : 18/12/2009 Kính gửi: Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Và Thương Mại Thành Phát Hôm nay, Ngân hàng chúng tôi xin báo đã ghi có tới tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau: Số tài khoản ghi Có : 3.003.888.001 Số tiền bằng số : 540.355 Số tiền bằng chữ : Năm trăm bốn mươi nghìn ba trăm măm mươi năm đồng. Nội dung: Tiền lãi gửi Ngân hàng của công ty TNHH Thành Phát	
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT

Biểu số 15:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....
15/12		15/12	Ngân hàng ACB trả tiền lãi	1122		256.350
.....
18/12		18/12	Ngân hàng Vietcombank trả tiền lãi	1121		540.355
31/12	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	911	1.256.630	
			Cộng số phát sinh		1.256.630	1.256.630
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguồn tài liệu: trích Sổ cái TK 515 trong tháng 12 năm 2009

2.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác.

2.2.5.1. Kế toán thu nhập khác.

a. Tổ chức tài khoản sử dụng.

TK 711: Thu nhập khác

Khoản thu nhập khác và chi phí khác ở công ty phát sinh không nhiều, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong doanh thu của công ty.

+ Thu nhập khác của công ty là hoạt động bán đầu kéo Mooc Kamaz

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

+ Phiếu thu.

+ Biên bản thanh lý TSCĐ.

+ Sổ nhật ký chung.

+ Sổ Cái TK 711

c. Quy trình hạch toán

Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác. Kế toán tiến hành kiểm tra. Từ hóa đơn GTGT 0042475 sau đó vào sổ nhật ký chung(biểu số 12), sổ cái 711.

Ví dụ: Ngày 20/12/2009 Thu tiền bán thanh lý xe Container biển số 16K - 1278:

Định khoản:

Nợ TK 1111: 195.544.722

Có TK 711 : 177.767.929

Có TK 3331 : 17.776.792

2.2.5.2. Kế toán chi phí khác khác.

Trong kỳ Công ty không phát sinh chi phí khác.

Biểu số 16:

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/2009T		
Liên 3: Nội bộ			0042475		
Ngày 20 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát					
Địa chỉ: 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản: 3.003.888-001					
Điện thoại.....MS.....0200466503.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Container Tân Cương					
Địa chỉ: Số 290 - Đường Hà Nội - Hải Phòng					
Số tài khoản: 3.650.756-17					
Hình thức thanh toán:.....Tiền mặt.....MS.....030256630.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Thanh lý xe Container 16K - 1278				177.767.929
Cộng tiền hàng					177.767.929
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			17.776.792
Tổng cộng tiền thanh toán:					195.544.722
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm chín mươi năm triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					

Biểu số 17:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 711: Thu nhập khác

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....	
20/12	0042475	20/12	Thu thanh lý xe Container biển số 16K - 1278	1111		177.767.929
.....	
25/12	0042502	25/12	Thu thanh lý xe Container biển số 16H - 1366	1111		11.525.278
31/12		31/12	K/c Thu nhập khác	911	448.015.416	
			Cộng số phát sinh		448.015.416	448.015.416
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguồn tài liệu: trích Sổ cái TK 711 trong tháng 12 năm 2009

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh.

a. Tổ chức tài khoản sử dụng.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của các hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

b. TK sử dụng.

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

c. Nguyên tắc hạch toán.

Sau khi một kỳ kế toán cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý giữa nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

Trên tài khoản 911 cần phải phản ánh đầy đủ, chính xác các kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

2.2.6.2. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.

Cuối mỗi quý, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các phiếu kế toán để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thành Phát

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tổng lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính	Thu + nhập khác	Giá Vốn hàng bán	Chi chí tài chính	Chi phí Bán hàng	Chi phí QLDN
------------------------------------	---	---	--------------------------	---------------------------	-------------------------	---------------------------	--------------------

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Biểu số 18:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

**TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
Tháng 12 năm 2009**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	BKQT09	31/12	K/c doanh thu vận tải nội bộ	5111		225.126.499
31/12	BKQT09	31/12	K/c doanh thu vận tải thuê ngoài	5112		1.400.446.255
31/12	BKQT09	31/12	K/c doanh thu dịch vụ khác	5113		97.253.000
31/12	BKQT09	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		1.256.630
31/12	BKQT09	31/12	K/c thu nhập khác	711		448.015.416
31/12	BKQT09	31/12	K/c giá vốn	632	2.139.039.220	
31/12	BKQT09	31/12	K/c chi phí quản lý DN	642	67.526.059	
31/12	BKQT09	31/12	K/c (lỗ)	421		34.470.479
			Cộng số phát sinh		2.172.094.800	2.172.049.800
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 19:

Công ty TNHH XNK - TM Thành Phát
Số 28 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

**TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2009**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ		25.256.630	
			Số phát sinh			
					
31/12	BKQT09	31/12	Kết chuyển TK 421(lỗ)	911	34.470.479	
					
			Cộng số phát sinh		59.727.109	
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguồn tài liệu: trích sổ cái TK 421 năm 2009

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH PHÁT.

3.1. Những nhận xét chung về công ty TNHH XNK - TM Thành Phát.

3.1.1. Những khó khăn của công ty.

Với nền kinh tế mở hiện nay, mang lại nhiều cơ hội cũng như không ít khó khăn cho các công ty, nếu các công ty không năng động, không hoà nhập với xu thế chung thì rất dễ bị bỏ rơi lại phía sau, công ty Thành Phát là một doanh nghiệp trẻ nên cũng gặp một số những khó khăn trở ngại như sau:

+ Được thành lập và đi vào hoạt động trong nền kinh tế thị trường mở nên Công ty phải đương đầu nhiều hơn với những thách thức từ thị trường

Công ty Thành Phát là một doanh nghiệp trẻ nên số lượng nhân viên cũng chưa nhiều và trình độ còn tương đối thấp cho nên sức cạnh tranh với các công ty khác trên thị trường là còn yếu.

Sự khủng hoảng tài chính trong những năm vừa qua cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của công ty : đã làm cho các hợp đồng vận chuyển của công ty giảm dần.

Uy tín của Công ty trong kinh doanh cung cấp dịch vụ chưa cao, vì thế mà công ty sẽ phải khó khăn hơn nhiều trong việc tạo lập uy tín của mình

3.1.2. Những thuận lợi của công ty.

Trước mắt cũng như lâu dài công ty đã có những điều kiện thuận lợi nhất định, đảm bảo cho sự phát triển về sản xuất cũng như các hoạt động kinh doanh, tạo các mối quan hệ tốt với các bạn hàng và khẳng định vị thế của mình trên thương trường.

Việc hình thành các khu công nghiệp, mở rộng các nhà máy kỹ thuật các công trình xây lắp mới cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong thời gian gần đây: các đơn hàng cũng nhiều hơn.

Thuận lợi về cơ sở hạ tầng: công ty đang dần từng bước hiện đại hóa về cơ sở vật chất trong công ty .

Thuận lợi về giao thông địa lý: nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc , lại đóng trụ sở tại nơi có điều kiện giao thông huyết mạch của thành phố, dễ dàng trong việc đi lại và vận chuyển hàng hóa; đặc biệt là gần cầu cảng Hải Phòng.

Thuận lợi về nguồn nhân lực: đội ngũ lãnh đạo trẻ tuổi, có năng lực, được đào tạo cơ bản, thường xuyên có các sáng kiến đóng góp trong sản xuất...

3.2. Những nhận xét về công tác kế toán tại Công ty TNHH Thành Phát.

3.2.1. Những kết quả đạt được.

*** Về tổ chức quản lý:**

Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý và hạch toán khoa học, hợp lý, có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Với mô hình quản lý tạo được uy tín trên thị trường.

*** Về tổ chức sản xuất:**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ với những nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc, được bố trí hợp lý, phù hợp với trình độ khả năng của mỗi người đã góp phần đặc lực vào công tác hạch toán kế toán và quản lý kinh tế tài chính của Công ty.

*** Về hệ thống chứng từ kế toán và phương pháp kế toán** của công ty được tổ chức hợp lý, hợp lệ, đầy đủ. Công ty sử dụng hệ thống chứng từ theo quy định của bộ tài chính, ngoài ra còn có một số chứng từ khác theo quy định riêng của công ty.

Phương pháp kế toán hàng tồn kho được sử dụng ở công ty là phương pháp kê khai thường xuyên, Phương pháp này phù hợp với đặc điểm loại hình kinh doanh của công ty. Nó cho phép cung cấp đầy đủ các thông tin cho nhà quản lý doanh nghiệp.

*** Về hình thức sổ kế toán:**

Công ty đang áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung. Đây là hình thức tương đối đơn giản và thuận tiện với những điều kiện về tổ chức sản xuất của công ty.

(+) Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

*** Công tác tổ chức kế toán doanh thu:**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc hạch toán doanh thu được theo dõi chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả của từng loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn cho hoạt động kinh doanh của công ty.

*** Về công tác kế toán chi phí:**

Ở một chừng mực nhất định, công tác tập hợp chi phí tại công ty TNHH Thành Phát đã phản ánh đúng thực trạng của công ty, đáp ứng được yêu cầu quản lý mà công ty đã đặt ra. Đảm bảo được sự thống nhất về phạm vi và phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế và các bộ phận có liên quan.

Công ty chấp hành đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước quy định, ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên hệ thống sổ sách. Cụ thể, quá trình kế toán chi phí ở công ty được theo dõi từ khi mua nguyên vật liệu về nhập kho đến khi đưa vào sử dụng chạy xe, bên cạnh đó công tác kế toán chi phí nhân công tương đối rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, giúp cho công ty sử dụng lao động hợp lý và nâng cao năng suất lao

động. Việc áp dụng hình thức trả lương theo thời gian và lương theo năng suất tại công ty đã tạo điều kiện gắn liền lợi ích vật chất của người lao động.

Tuy mới áp dụng kế toán giá trị gia tăng nhưng công ty đã cố gắng thực hiện nội dung, phương pháp đúng theo chế độ quy định.

*** Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**

Công tác kế toán xác định hoạt động kinh doanh của công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty. Hiện nay, sau mỗi quý kế toán trưởng tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty trong quý để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp cho nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược đường lối mà công ty sẽ đi sau này.

** Trên đây là những mặt tích cực, ưu điểm của công tác kế toán tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện.*

*** Về tình hình quản lý công nợ:**

Hiện nay Công ty TNHH Thương mại Thành Phát có rất nhiều bạn hàng trên cả nước. Ngoài những khách hàng thanh toán ngay công ty còn cho phép khách hàng trả chậm số tiền hàng và dịch vụ, tức là doanh nghiệp áp dụng cơ chế mở, hết sức tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tác của công ty.

Điều này khó có thể tránh được những mặt tiêu cực thường có trong nền kinh tế thị trường là bản thân các công ty bị các doanh nghiệp khác chiếm dụng vốn, khách hàng cố ý dây dưa công nợ khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do tình trạng thiếu vốn. Thực tế, khi nghiên cứu công tác kế toán của công ty căn cứ trên sổ cái công nợ, ta thấy sổ nợ phải thu lên tới vài trăm triệu đồng.

Dù vậy, công ty vẫn chưa có quy định cụ thể nào về thời hạn thanh toán với từng khách hàng và cũng chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với những khoản nợ phải thu khó đòi.

*** Về công tác luân chuyển chứng từ:**

Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, ở công ty việc luân chuyển chứng từ còn chậm chưa kịp thời, nhanh gọn, , không đảm bảo đúng thời hạn quy định vì vậy công ty cần xem xét để có những biện pháp luân chuyển nhanh gọn hơn, đảm bảo công tác tính giá thành kịp thời.

3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH XNK – TM Thành Phát.

Với góc độ là sinh viên thực tập, tôi xin mạnh dạn nêu ra một vài ý kiến nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán của công ty.

*** Thứ nhất:** Nâng cao chất lượng sản phẩm loại hình dịch vụ và xúc tiến công tác quảng cáo.

Công ty cần tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm của loại hình dịch vụ vận tải như kiểm tra gắt gao lúc tuyển nhân sự đầu vào, nên tổ chức các lớp học tập huấn về ý thức đạo đức của lái xe, học đầy đủ luật lệ giao thông đường bộ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Bên cạnh đó công ty phải đẩy mạnh việc quảng bá, khuyến mại,... về loại hình dịch vụ trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo viết, báo hình,... Nhưng cần xem xét kỹ đến mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận mang lại. Một chính sách quảng cáo tốt sẽ làm cho khách hàng tin tưởng vào sản phẩm của công ty từ đó tăng sự lựa chọn của khách hàng và tạo uy tín đối với khách hàng. Đối với sản phẩm dịch vụ mà công ty cung ứng thì chất lượng của nó phải không ngừng nâng cao bằng các biện pháp như: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đúng thời gian giao hàng, thời hạn thanh toán, cố gắng giải quyết các mâu thuẫn phát sinh bằng các biện pháp hợp lý nhất.

*** Thứ hai:** Công tác quản lý nhân sự:

Trong điều kiện đổi mới của nền kinh tế, để hoà nhập, tồn tại và phát triển đơn vị thì việc cung cấp thông tin kinh tế, thông tin tài chính của đơn vị một cách chuẩn xác từ bộ phận kế toán cho tới bộ máy lãnh đạo đơn vị là rất quan trọng và cần thiết. Để đáp ứng được nhu cầu đó thì công ty cần phải có kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ kế toán của đơn vị để kịp thời đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cần có những biện pháp động viên khuyến khích người lao động cả về vật chất và tinh thần, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành kỷ luật lao động và sử dụng thời gian lao động. Quản lý sắp xếp thời gian lao động sao cho có hiệu quả.

*** Thứ ba:** Về chi phí bằng tiền khác:

Chi phí bằng tiền khác của công ty có nhiều khoản không hợp lý như chi tiếp khách, thưởng đối ngoại, còn quá nhiều ảnh hưởng tới doanh thu và chi phí của công ty.

*** Thứ tư:** Về công tác thu hồi công nợ và lập dự phòng cho các khoản nợ khó đòi.

Trong nền kinh tế thị trường vấn đề sống còn đối với mỗi doanh nghiệp đó là hiệu quả sử dụng vốn, tức là vốn của doanh nghiệp phải được quay vòng nhanh. Vấn đề này có liên quan mật thiết đến việc thu hồi nợ vì các đơn vị thường xuyên chiếm dụng vốn lẫn nhau. Ở công ty TNHH Thành Phát, số nợ của khách hàng đối với công ty không cao lắm nhưng sẽ thành tiền lệ về các khoản nợ nếu không có các quy định cụ thể trong việc thanh toán nợ của các bạn hàng như áp dụng chặt chẽ kỹ thuật thanh toán thưởng phạt nghiêm minh, từ mềm mỏng đến cứng rắn để thu hồi nợ. Các biện pháp phải đảm bảo hai nguyên tắc:

Lợi ích của công ty không bị vi phạm, đồng thời không bị mất đi các bạn hàng. Công ty nên áp dụng “chiết khấu trong thanh toán” cho các khách hàng thường xuyên có uy tín luôn thanh toán đúng và trước thời hạn, sẽ được hưởng phần trăm trên số tiền thanh toán đúng và trước hạn. Trả chậm sau hạn có thể tính lãi Có như vậy công ty mới nhanh chóng thu hồi được vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Ngoài ra, đối với các khoản nợ phải thu khó đòi công ty nên thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản nợ này. Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà kế toán công ty có thể thực hiện theo trình tự sau:

- Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính toán chính xác số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm được hạch toán:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Có TK 139 - Dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Nếu dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập và ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi.

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (việc xoá nợ phải theo đúng chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã lập dự phòng).

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu chưa lập dự phòng).

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Hoặc Có TK 138 - Phải thu khác.

Đồng thời ghi đơn vào bên Nợ TK 004 (Nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách nợ có điều kiện trả nợ.

- Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Đồng thời ghi đơn bên có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

*** Thứ năm:** Công ty nên thiết kế hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh doanh.

Để đạt được hiệu quả cao nhất trong sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải xác định phương hướng mục tiêu trong đầu tư, biện pháp sử dụng các điều kiện có sẵn ... Do vậy kế toán nên sử dụng hình thức phân tích các chỉ tiêu trên các cơ sở số liệu đã ghi chép để đáp ứng kịp thời các thông tin cần thiết cho việc ra quyết định tốt nhất.

Ngoài các biện pháp cụ thể nêu trên, để công tác kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ ngày càng hoàn thiện hơn cũng cần có sự giúp đỡ của các phòng ban cũng như các lãnh đạo công ty. Lãnh đạo công ty là người có nhiệm vụ quản lý chung toàn bộ tình hình kinh doanh và phải quy định toàn bộ chức năng của các bộ phận ở các phòng ban kho và phòng kế toán đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để sự luân chuyển chứng từ và thủ tục chứng từ ban đầu hợp lý, khoa học.

Nếu như kế toán tiêu thụ sản phẩm hàng hoá dịch vụ nói riêng và bộ máy kế toán nói chung làm việc đúng chức năng, hiệu quả công việc cao thì xác định kết quả kinh doanh đúng, từ đó giúp cho người lãnh đạo đề ra hướng đúng cho công ty và ngược lại nếu người quản lý, lãnh đạo làm tốt việc chỉ đạo sản xuất, tổ chức bộ máy gián tiếp, trực tiếp sẽ giúp cho công việc hạch toán được thuận lợi dễ dàng hơn.

* **Thứ sáu:** Về vấn đề sử dụng phần mềm kế toán.

Hiện nay công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán, mọi sổ sách kế toán của công ty kế toán vẫn thực hiện bằng tay trên sổ sách giấy tờ do vậy rất vất vả, đôi lúc gặp khó khăn trong việc hạch toán cũng như cung cấp thông tin cho lãnh đạo công ty, từ đó phòng kế toán cần thiết đề nghị lãnh đạo công ty tạo điều kiện cho áp dụng kế toán trên phần mềm vi tính để phục vụ tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ, phục vụ công tác kinh doanh của công ty.

Trên đây là một số nhận xét và ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua thời gian em thực tập tại công ty Thành Phát.

KẾT LUẬN

Hiệu quả kinh tế là một phạm trù có ý nghĩa rất quan trọng trong mọi nền kinh tế trên thế giới. Đối với nước ta từ một nền sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn Xã hội chủ nghĩa, cùng một lúc phải thực hiện những nhiệm vụ cấp bách trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc thì việc nâng cao hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở tất cả các ngành các cấp các đơn vị kinh tế cơ sở càng có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết.

Việc chuyển đổi kinh tế nước ta từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo ra được nhiều cơ hội mới và cả những thách thức mới cho các doanh nghiệp. Với các nguồn lực ngày càng khan hiếm, sự cạnh tranh cũng trở nên gay gắt khốc liệt đã làm cho nhiều doanh nghiệp bị thua lỗ, giải thể, thậm chí phá sản nhưng cũng có không ít các doanh nghiệp do nắm bắt được cơ hội, tổ chức thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả đã trụ vững và ngày càng phát triển. Chính vì vậy, kế toán của mỗi doanh nghiệp cần hạch toán chính xác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Qua thời gian thực tập tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành Phát em đã thực hành được nhiều kiến thức về kế toán, từ đó em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như trên. Do vẫn còn những hạn chế về mặt kiến thức và tài liệu tham khảo, luận văn tốt nghiệp của em cùng những biện pháp nêu ra có thể còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán của công ty TNHH Thành Phát. Cuối cùng một lần nữa em xin chân thành cảm ơn tới cô giáo Bùi Thị Chung đã hết lòng chỉ bảo giúp đỡ em hoàn thành bài viết.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1. Nhà xuất bản thống kê Hà Nội năm 2008.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2. Nhà xuất bản thống kê Hà Nội năm 2008.
3. Giáo trình hệ thống kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - Nhà xuất bản Tài chính.
4. Số liệu sổ sách kế toán năm 2009 của phòng kế toán Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành Phát.